

**LAWACO CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÌ CUỘC SỐNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

 Số 50 đường Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

 [www.lawaco.com.vn](http://www.lawaco.com.vn)

 (0263) 3822 240 - (0263) 3822 457

 (0263) 3824 050

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

[www.lawaco.com.vn](http://www.lawaco.com.vn)



**2022**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

# MỤC LỤC



1

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

2

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai  
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

4

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5

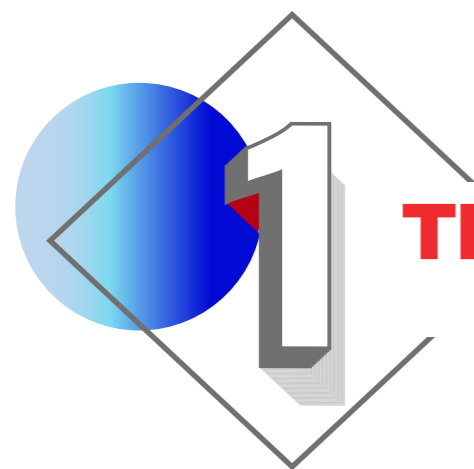
## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các khoản giao dịch, thù lao và lợi ích

6

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến Kiểm toán viên  
Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán

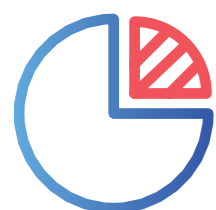


## **THÔNG TIN CHUNG**

- 1** THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- 2** QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 3** NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- 4** THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 5** ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 6** CÁC RỦI RO

## THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng
Tên Tiếng Anh	Lam Dong Water Supply And Sewerage Joint Stock Company
Tên viết tắt	LAWACO
Mã cổ phiếu	LDW



Vốn điều lệ (VNĐ)

**788.000.000.000**



Trụ sở chính	Số 50 đường Hùng Vương, phường 9, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng
Điện thoại	(84.26) 3382 2240 - (84.26) 3382 2457
Fax	(84.26) 3382 4050
Email	lawaco@lawaco.com
Website	www.lawaco.com
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 11/11/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 17/09/2020.



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Chính quyền Pháp cho xây dựng Nhà máy nước số 1 (Nhà máy Hồ Than Thở). Nhà máy Hồ Than Thở được sửa chữa lần 1 vào năm 1927 và nâng cấp vào năm 1938 với công suất 2.700m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Sản xuất nước tại TP. Đà Lạt với tên gọi là Công quản nước Đà Lạt. Sản lượng nước sản xuất bình quân 5.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Trung tâm Cấp thủy Đà Lạt được Ban Quân quản TP. Đà Lạt tiếp quản, điều hành.

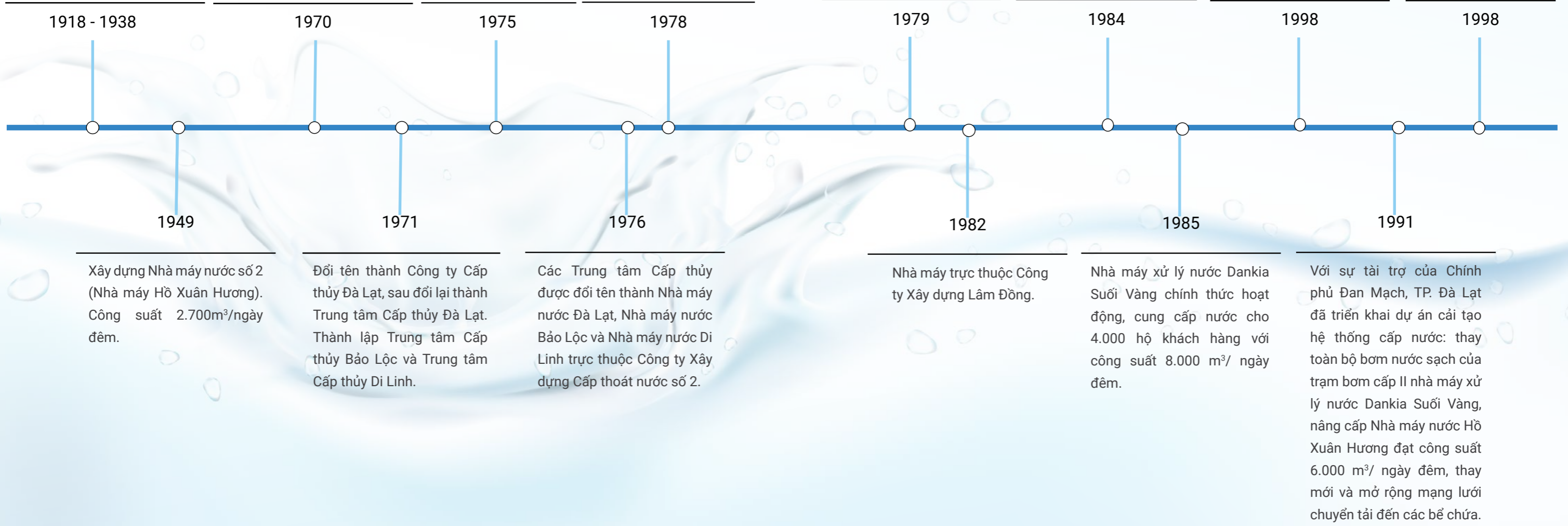
Xây dựng trạm bơm Hồ Chiến Thắng để bổ sung nguồn nước cho Nhà máy xử lý nước Hồ Xuân Hương.

Bàn giao lại Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2 cho Công ty Quản lý công trình công cộng tỉnh quản lý.

UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 313/QĐ/UB về việc thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của Nhà máy Cấp nước Đà Lạt và bổ nhiệm chính thức Ban Giám đốc nhà máy. UBND tỉnh giao Nhà máy Cấp nước Đà Lạt quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước Dankia Suối Vàng.

UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 131/QĐ-UB về việc thành lập Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty tiếp nhận các đơn vị khác trong tỉnh là Nhà máy nước Bảo Lộc, Nhà máy nước Di Linh, Nhà máy nước Đức Trọng.

Xây dựng hoàn thành Nhà máy nước Lâm Hà, công suất 1.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.



Xây dựng Nhà máy nước số 2 (Nhà máy Hồ Xuân Hương). Công suất 2.700m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Đổi tên thành Công ty Cấp thủy Đà Lạt, sau đổi lại thành Trung tâm Cấp thủy Đà Lạt. Thành lập Trung tâm Cấp thủy Bảo Lộc và Trung tâm Cấp thủy Di Linh.

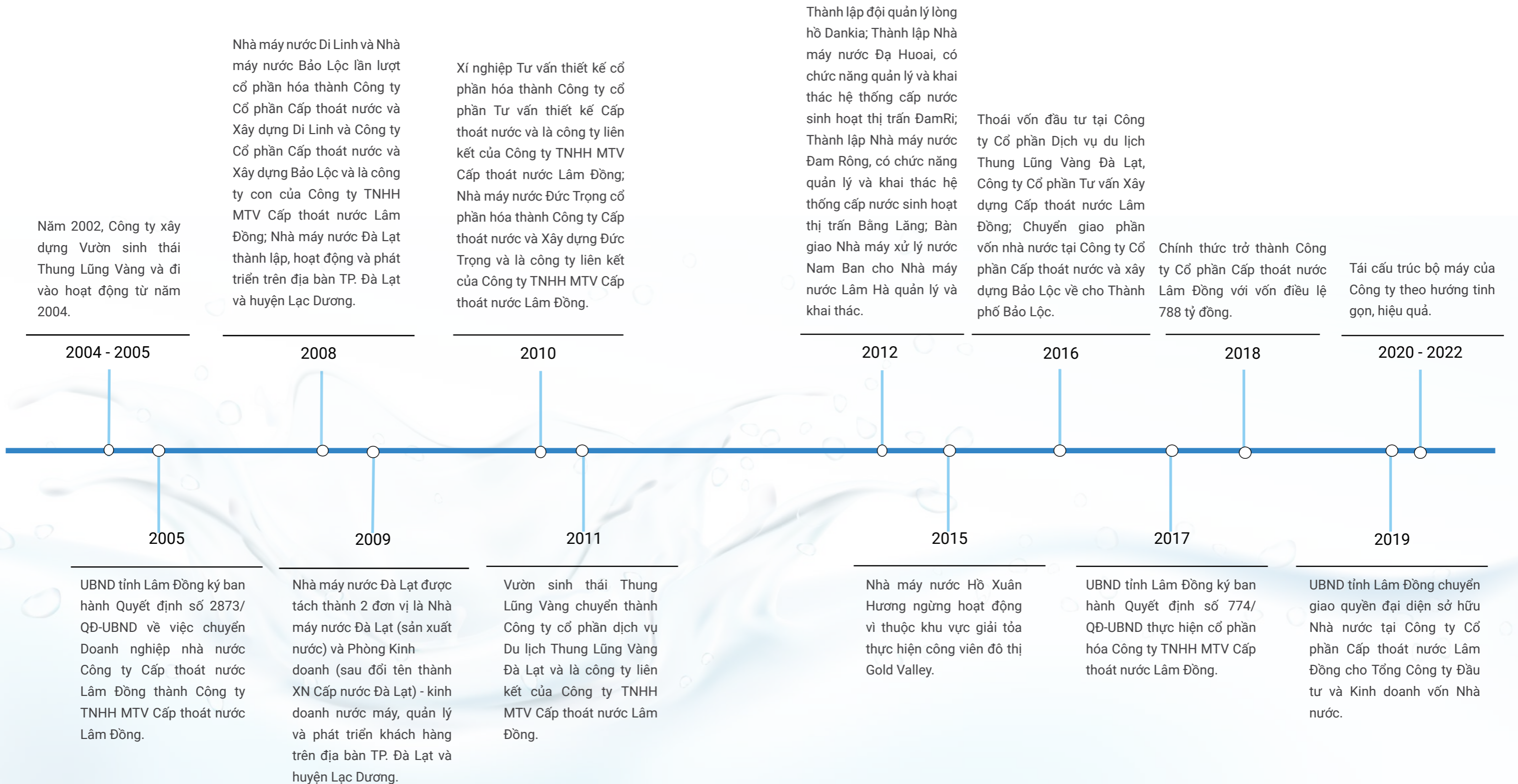
Các Trung tâm Cấp thủy được đổi tên thành Nhà máy nước Đà Lạt, Nhà máy nước Bảo Lộc và Nhà máy nước Di Linh trực thuộc Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2.

Nhà máy trực thuộc Công ty Xây dựng Lâm Đồng.

Nhà máy xử lý nước Dankia Suối Vàng chính thức hoạt động, cung cấp nước cho 4.000 hộ khách hàng với công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

Với sự tài trợ của Chính phủ Đan Mạch, TP. Đà Lạt đã triển khai dự án cải tạo hệ thống cấp nước: thay toàn bộ bơm nước sạch của trạm bơm cấp II nhà máy xử lý nước Dankia Suối Vàng, nâng cấp Nhà máy nước Hồ Xuân Hương đạt công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm, thay mới và mở rộng mạng lưới chuyển tải đến các bể chứa.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



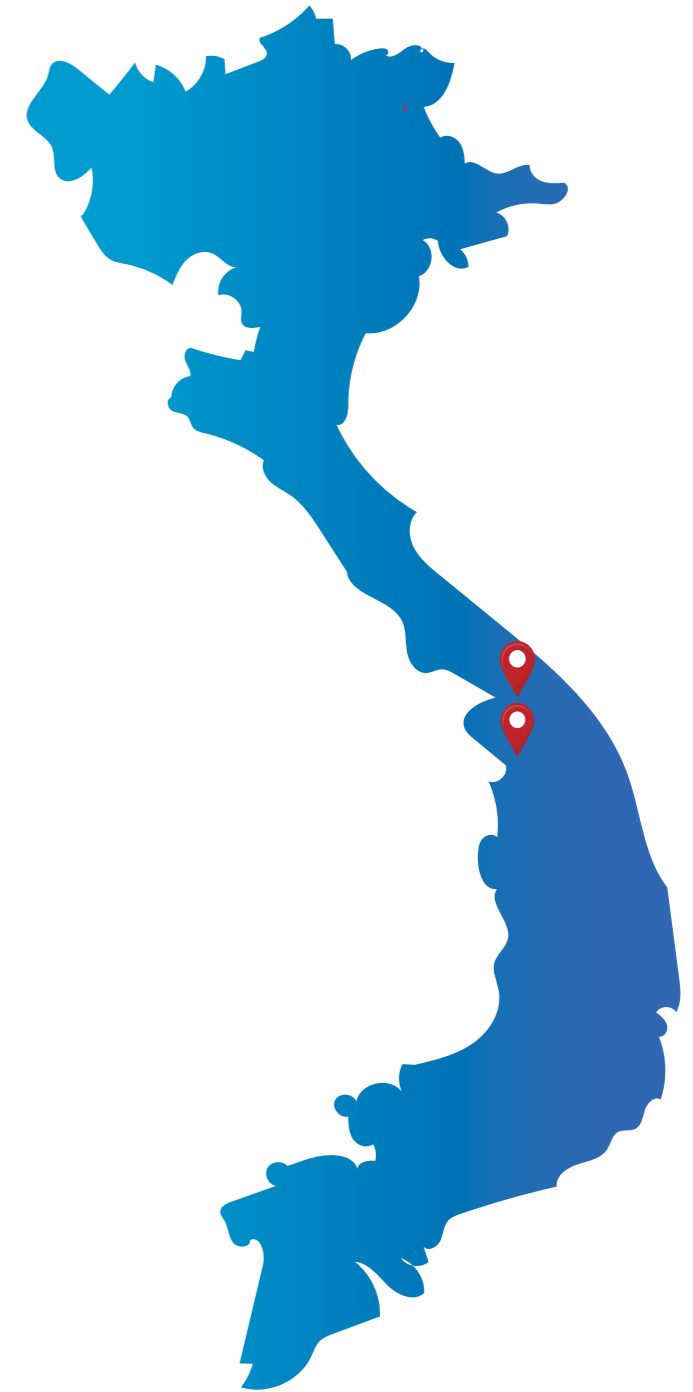
## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai.
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn kính phẳng, đồ ngũ kim và khóa, ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị cấp thoát nước.
<b>3600 (Chính)</b>	<b>Khai thác, xử lý và cung cấp nước</b>
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi.
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đồng hồ đo nước lạnh kiểu cơ khí, đường kính từ 15mm đến 50mm.



## ĐỊA BÀN KINH DOANH

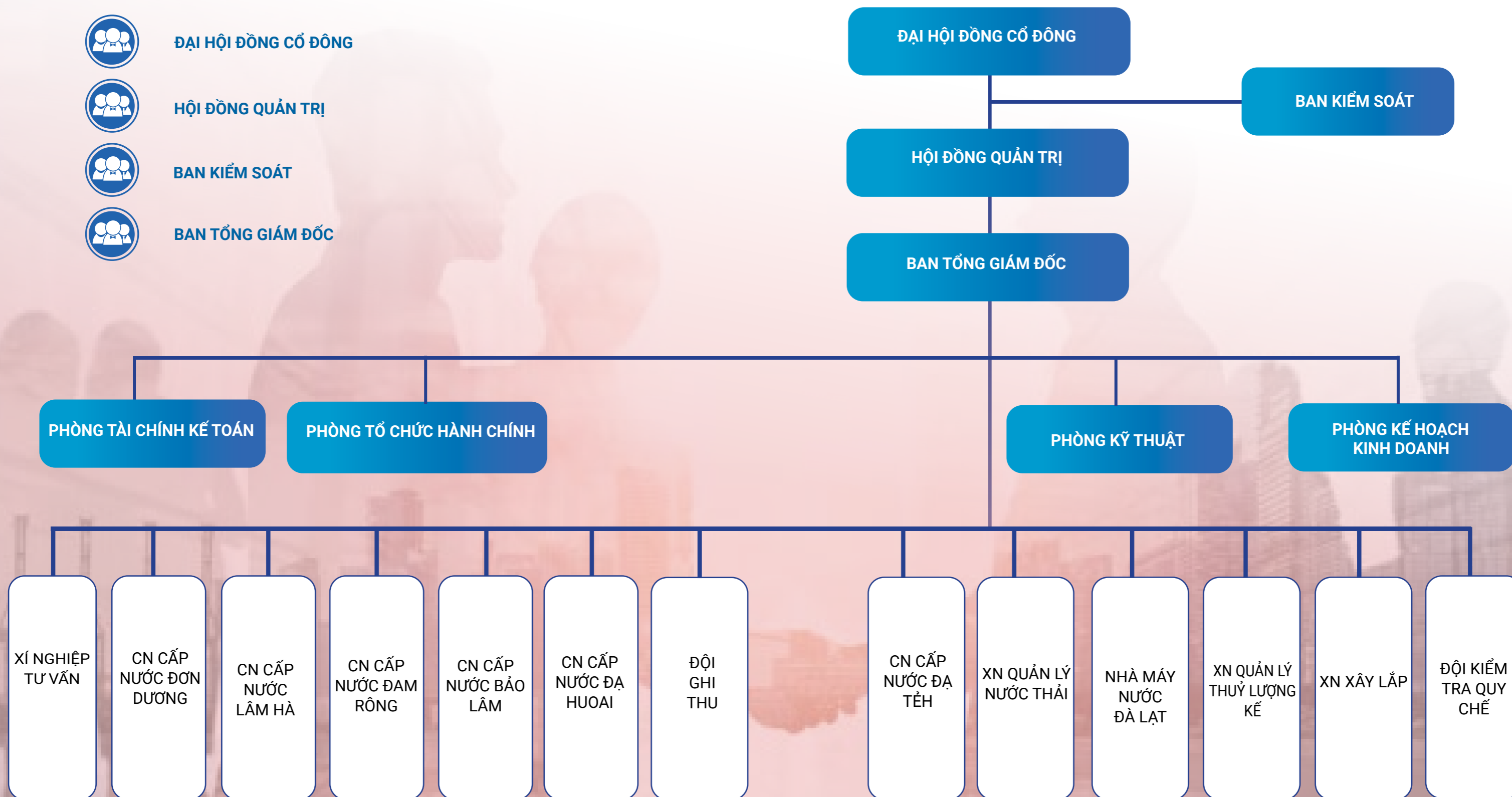
Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt và các đô thị trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (ngoại trừ thành phố Bảo Lộc, huyện Di Linh và thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, huyện Cát Tiên). Bên cạnh đó, Công ty là đơn vị duy nhất cung cấp dịch vụ xử lý và thoát nước thải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

-  ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
-  HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
-  BAN KIỂM SOÁT
-  BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CƠ CẤU QUẢN LÝ





# CÁC CÔNG TY CON, ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÁC CÔNG TY CON: Không có.

## CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY:

STT	Đơn vị khác	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
1	Nhà máy nước Đà Lạt	Thành Phố Đà Lạt	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
2	Nhà máy nước Lâm Hà	TT. Đình Văn, H. Lâm Hà	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
3	Nhà máy nước Bảo Lâm	TT. Lộc Thắng, H. Bảo Lâm	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
4	Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, H. Đạ Tẻh	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
5	Nhà máy nước Đơn Dương	TT. Thạch Mỹ, H. Đơn Dương	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
6	Nhà máy nước Đam Rông	TT. Bằng Lăng, H. Đam Rông	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
7	Nhà máy nước Đạ Huoai	TT. Madaguoi, H. Đạ Huoai	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
8	Xí nghiệp Quản lý Nước thải	TP. Đà Lạt	Quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải
9	Xí nghiệp Tư vấn Cấp thoát nước	TP. Đà Lạt	Tư vấn thiết kế, giám sát công trình XD/CB
10	Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	TP. Đà Lạt	Thi công, lắp đặt HTCN, XD/CB
11	Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	TP. Đà Lạt	Kiểm định Nhà nước đồng hồ đo nước lạnh từ 15 - 50 mm.



## CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng	Số 81 đường Nguyễn Công Trứ, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,50 tỷ đồng	32,10%
2	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Số 524 đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	14,98 tỷ đồng	37,01%



**CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY**

Tiếp tục các công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị tại các nhà máy, trạm bơm và mạng lưới, kịp thời khắc phục sửa chữa các sự cố kỹ thuật ống cái, ống nhánh bể vỡ đảm bảo việc cấp nước ổn định cho khách hàng.

Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng toàn hệ thống:

- Tiếp nhận thường xuyên thông tin phản ánh về chất lượng nước sạch trên mạng lưới.
- Kịp thời xử lý các sự cố liên quan đến chất lượng nước nhằm đảm bảo cấp nước an toàn cho khách hàng.
- Sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng trong việc đọc chỉ số đồng hồ, hóa đơn điện tử thu nộp tiền nước, kiểm soát công nợ tiền nước.

Tổ chức triển khai đầu tư mở rộng, áp dụng các kỹ thuật hiện đại vào hệ thống ống dẫn, thiết bị vận hành nhằm nâng cao năng suất hoạt động, đảm bảo cấp đủ nước và đạt tiêu chuẩn về chất lượng nước sinh hoạt của Bộ Y tế. Đặc biệt, Công ty lên kế hoạch giảm tỷ lệ thất thoát nước nhỏ hơn 20%.

Tiếp tục làm việc với một số đối tác Ngân hàng, ứng dụng thu trên Smartphone và các Ví điện tử, các đơn vị cung cấp dịch vụ Ví điện tử như: ZaloPay, VNPT, FPT... nhằm đa dạng hóa hơn phương thức thanh toán cho khách hàng, hạn chế, không dùng tiền mặt.

Mở rộng mật độ hệ thống thoát nước chính tại các đô thị loại I, loại II, loại VI và V theo QĐ số 2032/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phát triển đô thị tỉnh Lâm Đồng.



**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN**

Trong công tác sản xuất nước sạch, Công ty tiếp tục khắc phục việc thiếu nguồn nước ở một số khu vực; tiếp tục triển khai khoa học công nghệ giúp nâng cao hiệu quả trong các hoạt động sản xuất nước; phân tích thêm các số liệu về khách hàng, tính hiệu quả của công tác phát triển khách hàng; thay đổi phương thức nhằm đẩy mạnh và phát huy chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ.

Đẩy nhanh thủ tục xin chủ trương và kinh phí thực hiện công tác lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và đảm bảo lượng chất thải theo quy định về khía cạnh công tác xử lý nước sạch.

Xác định chiến lược chống thất thoát và đảm bảo an ninh nguồn nước. Vì vậy, Công ty tập trung tối đa nguồn lực, nỗ lực triển khai nhiều giải pháp toàn diện, đồng bộ, hiệu quả các công tác kiểm tra hệ thống dẫn nước, thiết bị định kỳ nhằm đảm bảo nguồn nước đạt tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y tế. Đồng thời, LDW cũng đặt mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát đến mức thấp nhất trong quá trình truyền dẫn nước đến người dân trong 5 năm tới.





### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Công ty tập trung vào nhiều mục tiêu quan trọng để nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và đảm bảo an toàn cho người sử dụng.
- Về nhân sự, công ty chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và thay đổi phương thức hoạt động sản xuất, phương pháp làm việc để thích ứng với thực tế chung và đảm bảo an toàn cho người lao động.
- Về môi trường làm việc, Công ty tập trung vào việc xây dựng môi trường làm việc tốt và hỗ trợ tối đa cho người lao động. Nơi làm việc sạch sẽ và khang trang cùng với thiết bị bảo đảm an toàn được trang bị đầy đủ cho CBCNV.
- Công ty tập trung giám sát chất lượng kiểm tra quy trình xử lý nước đạt tiêu chuẩn để đảm bảo chất lượng nước an toàn cho người sử dụng, đảm bảo quy chuẩn do Bộ Y tế quy định. Bên cạnh đó, LDW còn tổ chức nghiên cứu các giải pháp công nghệ mới trong xử lý nước sạch, ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.
- Tích cực vận động người dân sử dụng nước máy để đảm bảo sức khỏe, tránh khai thác tự do góp phần bảo vệ môi trường và nguồn tài nguyên nước.



**RỦI RO KINH TẾ**

Năm 2022, tình hình Kinh tế - Xã hội Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới trở nên khó khăn hơn khi xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na kéo dài; lạm phát duy trì ở mức cao, nhiều nhất là ở châu Âu và Mỹ.

Theo đó, Nước ta quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế: nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ và đạt mức tăng trưởng cao hơn so với thời điểm trước dịch. Theo Báo cáo của Tổng cục thống kê, kinh tế xã hội Việt Nam trong năm 2022 có sự tăng trưởng ấn tượng: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022, do nền kinh tế hồi phục trở lại, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả. Kinh tế Việt Nam được đánh giá là điểm sáng của khu vực ở năm 2022.

Lawaco là doanh nghiệp chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thiết yếu của xã hội nên ít bị ảnh hưởng bởi sự biến động của các yếu tố vĩ mô trong nền kinh tế. Hơn nữa, nền kinh tế trong nước và cả thế giới đang phục hồi trở lại, nhịp sống của người dân dần bình thường hoá, nhu cầu nước sạch của người dân cho sinh hoạt và sản xuất tăng cao.



Do đó, Công ty luôn theo dõi nắm bắt tình hình kinh tế chung để chủ động có những biện pháp phù hợp, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

**RỦI RO VỐN VAY, LÃI VAY NGÂN HÀNG**

Công ty đã thực hiện các khoản vay từ hiệp định vay phụ để thực hiện các dự án, bao gồm dự án Cấp nước thành phố Đà Lạt và Tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng và dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc bộ phận tỉnh Lâm Đồng. Lãi suất của các khoản vay này được áp dụng trong suốt thời gian vay, không thay đổi nên không gây ra rủi ro lớn cho công ty. Tuy nhiên, để đảm bảo các khoản vay, Công ty đã thế chấp các tài sản trong khoảng thời gian dài, điều này dẫn đến sự hạn chế trong việc thay đổi hay dịch chuyển các tài sản này.



Ngoài ra, các khoản vay kéo dài đến 20 năm, đòi hỏi Công ty cần phải đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm thanh toán khoản vay đúng kỳ hạn.



**RỦI RO PHÁP LUẬT**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng là Công ty đại chúng hoạt động và chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường... Vì vậy Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định pháp luật, để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý liên quan. Bên cạnh đó, chính phủ hiện đang nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chính sách kinh tế, liên tục được sửa đổi, cải cách trong thời gian tới.



Do đó, Công ty cần phải thường xuyên cập nhật và linh hoạt thích nghi để nhận diện vấn đề, từ đó kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi có sự thay đổi ảnh hưởng tới doanh nghiệp.

**RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC SẠCH**

Giảm thất thoát nước là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng nhằm góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng nước sạch phục vụ nhân dân. Việt Nam là đất nước có tỷ lệ thất thoát nước cao, ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất cũng như lãng phí nguồn tài nguyên, đặc biệt là khi thực trạng biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống sinh hoạt con người. Rủi ro thất thoát nước bao gồm 2 loại: :

- Thất thoát hữu hình do bể vỡ đường ống nước, dùng cho công tác xúc xả đường ống, thổi rửa giếng và có thể khắc phục được.
- Thất thoát vô hình do rò rỉ mạng đường ống nước theo mối nối - là loại thường khó phát hiện, nên việc kiểm soát khó khăn và công tác sửa chữa thường tốn kém.

Bên cạnh đó, việc thất thoát nước có thể xuất phát từ việc đồng hồ lưu lượng nước không hoạt động; hay đến từ hành vi gian lận trong việc sử dụng nước sạch không thông qua đồng hồ.

Ngoài ra, lượng nước từ các đường ống dẫn nước đặt dưới lòng đường cùng với hàng loạt hệ thống cơ sở hạ tầng khác như điện, viễn thông và giao thông dễ gây sụt lún hư hại, ảnh hưởng tới hệ thống nước và hệ thống khác.



Với quyết tâm thực hiện công tác giảm thất thoát nước, Lawaco đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin, trang bị đồng hồ điện tử, truyền dữ liệu các đồng hồ nước có sản lượng lớn nhằm tăng cường kiểm soát công tác giảm thất thoát nước. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty luôn cố gắng lập kế hoạch kiểm tra, dò tìm, sửa chữa các điểm rò rỉ; tiến hành bảo dưỡng hệ thống mạng lưới cấp nước trong khu vực phụ trách; cải tạo, thay thế nâng cấp đường ống; nâng cao tay nghề người lao động để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## CÁC RỦI RO

### RỦI RO TRONG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH CUNG CẤP

LAWACO luôn đặt công tác kiểm soát chất lượng nước nguồn lên hàng đầu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để đảm bảo nước đến tay khách hàng đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh và lưu lượng nước, các thiết bị máy móc phục vụ công tác sản xuất nước sạch được đảm bảo bằng việc theo dõi, giám sát tình trạng hoạt động và bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn lập kế hoạch dự báo các rủi ro có thể xảy ra và áp dụng các biện pháp ứng phó cho từng tình huống nhằm hạn chế thiệt hại, đồng thời tránh tình trạng thiếu nước. Tất cả những nỗ lực này nhằm đảm bảo sự an toàn và chất lượng của nguồn nước, nâng cao chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế và giúp bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng.



Do đó, Công ty luôn ưu tiên hàng đầu trong công tác kiểm soát chất lượng nguồn nước, ưu tiên trong việc duy tu, bảo dưỡng thiết bị định kỳ thường xuyên nhằm giảm thiểu tối đa lượng nước thất thoát và nâng cao chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế, đem đến cho khách hàng sản phẩm đảm bảo sức khỏe.



### RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Lâm Đồng là khu vực có điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp cùng với các điểm quan trắc môi trường cho thấy các chỉ tiêu về chất lượng nước dưới đất đều nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, vào mùa khô một số nguồn nước bị nhiễm bẩn, cụ thể là cầu La Sơn Phu Tử, thác Cam Ly, cầu Lê Quý Đôn... do nước mưa chảy tràn qua các khu có hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón hữu cơ, phân chuồng hay nguồn nước thu nhận nước xả thải từ các khu dân cư.

Bên cạnh đó, nguyên nhân chính khiến các nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng là do lượng rác thải chưa được xử lý hoặc xử lý không đúng quy trình.



Trước thực trạng báo động trên, Lawaco luôn nỗ lực tiến hành công tác bảo vệ môi trường; tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm soát ô nhiễm môi trường; áp dụng các công nghệ mới theo hướng công nghệ sạch. Khai thác nguồn nước hợp lý, chuẩn mực là một mục tiêu mà công ty đặt ra, từ đó tránh việc lãng phí tài nguyên của quốc gia.

### RỦI RO THỜI TIẾT

Lâm Đồng là tỉnh nằm ở khu vực Tây Nguyên, gắn liền với 2 mùa trong năm: mùa mưa và mùa khô. Điều này đã gây nên những trở ngại, thách thức đối với ngành cấp nước ở Lâm Đồng nói chung cũng như Lawaco nói riêng. Đặc biệt khi Lâm Đồng bắt đầu mùa khô (từ cuối tháng 2 đến hết tháng tư) dẫn đến tình trạng hạn hán, thiếu hụt nguồn nước trên một số các địa bàn. Tại LAWACO, các trạm cấp nước thường xuyên xảy ra thiếu nước vào mùa khô như: Trạm cấp nước Đ'ran, Trạm cấp nước Đạm Ri.



Theo đó, để tránh tình trạng thiếu nước ở trên địa bàn, Công ty cũng thường xuyên theo dõi, lên kế hoạch khai thác phù hợp, tuân thủ pháp luật về môi trường nói chung và tài nguyên nước nói riêng cũng như nhằm đảm bảo nhu cầu tiêu thụ nước của khách hàng.

### RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... tuy khả năng xảy ra là rất thấp nhưng đây là loại rủi ro hoàn toàn có thể tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty, gây thiệt hại về con người, tài sản và những tổn thất khác.



Do đó, Công ty luôn quan tâm và có những biện pháp truyền thông linh hoạt nhằm hạn chế mức thiệt hại thấp nhất trong trường hợp xảy ra của các rủi ro này.



## **2** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 1** KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM
- 2** TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 3** TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- 4** TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 5** CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- 6** BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022		TH 2021	% TH 2022/ KH 2022	% TH 2022/ TH 2021
		Kế hoạch	Thực hiện			
1	Doanh thu thuần	247.169	277.558	233.902	112,29%	118,66%
2	Tổng doanh thu	289.276	320.213	275.586	110,69%	116,19%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	46.132	71.431	44.276	154,83%	161,33%
4	Lợi nhuận trước thuế	46.332	70.934	43.228	153,10%	164,09%
5	Lợi nhuận sau thuế	-	56.674	34.458	-	164,47%

## CƠ CẤU DOANH THU

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022		TH 2021		% TH 2022/ TH 2021
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nước sạch	248.625	89,58%	208.323	89,06%	119,35%
2	Xử lý nước thải	17.829	6,42%	14.467	6,19%	123,24%
3	Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	9.925	3,58%	9.080	3,88%	109,31%
4	Khác	1.179	0,42%	2.032	0,87%	58,02%
<b>Tổng cộng</b>		<b>277.559</b>	<b>100%</b>	<b>233.902</b>	<b>100%</b>	<b>118,66%</b>

Trong năm 2022, Công ty thực hiện tốt việc quản lý, vận hành mạng lưới phục vụ công tác cấp nước an toàn liên tục trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Công ty tập trung thực hiện các dự án xây dựng cơ bản kết hợp đồng thời với việc chỉnh trang đô thị tại địa phương, đặc biệt là công tác dò, sửa bể ngầm để chống thất thoát nước. Với những nỗ lực vượt bậc, tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2022 đạt 19,41% giảm 0,59% so với kế hoạch năm, và giảm 2,63% so với cùng kỳ đã góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhìn chung năm 2022, Công ty có một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được kế hoạch đưa ra, đảm bảo mục tiêu chủ đạo là cấp nước cho khách hàng.

Kết thúc năm 2022, Tổng doanh thu của công ty đạt 320.213 triệu đồng, tăng 10,69% so với kế hoạch đề ra, và tăng 16,19% so với năm 2021. Lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty đều tăng trưởng so với năm 2021, lần lượt tăng 64,09% và 64,47%. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ doanh thu nước sạch tăng 19,35% so với năm 2021, chủ yếu do các ngành kinh doanh chủ lực của tỉnh Lâm Đồng từng bước phục hồi và phát triển, đặc biệt là lượng tiêu thụ nước đến từ sự tăng lên của khách du lịch sau khi dịch Covid được kiểm soát làm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để tận dụng cơ hội này, Công ty tập trung cung cấp nước sạch tại các khu vực trên địa bàn, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Ngoài ra, Công trình xây dựng nhà máy Phát Chi – xã Trạm Hành hoàn thành vào 28/06/2022 làm gia tăng sản lượng sản xuất nước sạch, đảm bảo cung cấp, ổn định cho người dân tại địa bàn Trại Mát - Phường 11, xã Xuân Thọ, xã Xuân Trường, xã Trạm Hành.

Nhìn chung, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng đã đảm bảo công tác điều hành mạng lưới cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt, đặc biệt vào các dịp Lễ, Tết... Công ty luôn nỗ lực ghi nhận, khắc phục theo yêu cầu sửa chữa của khách hàng, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động trong công tác kỹ thuật. Ngoài ra, Công ty thực hiện công tác phân tích nước cấp và nước thải tại thành phố Đà Lạt cũng như các huyện đảm bảo theo quy định ban hành để đảm bảo chất lượng nước cung cấp theo quy chuẩn của Việt Nam.



**DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH**

(tính đến 31/12/2022)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Số lượng CP đại diện cho SCIC	Tổng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành Viên HĐQT – Tổng giám đốc	-	22.059.047	22.059.047	27,99%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành Viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	3.600	9.453.877	9.457.477	12,00%
3	Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Quyền Kế toán trưởng	1.300	-	1.300	0,00%

**LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH**
**Ông NGUYỄN VĂN DŨNG**

Thành Viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh: 02/06/1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

**Quá trình làm việc:**

1990	Nhân viên Cục Thống kê Lâm Đồng.
1991 - 1994	Nhân viên phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
1995 - 2008	Phó phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
2009 - 05/2018	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
06/2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
04/2021 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 3.600 Cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: đại diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn NN (SCIC): 9.453.877 cổ phiếu (chiếm 12,00% vốn điều lệ).

**ÔNG NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Ngày sinh: 25/11/1966.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

**Quá trình làm việc:**

09/1987 - 05/1989	Kỹ thuật viên Xí nghiệp Công trình Giao thông Lâm Đồng.
05/1989 - 1998	Công nhân Phân xưởng nước Đà Lạt - Công ty TNHH Cấp Thoát nước Lâm Đồng
1998 - 09/2004	Kỹ thuật viên Đội KSTK - Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
09/2004 - 04/2006	Đội phó đội Xây dựng cơ bản Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
04/2006 - 10/2007	Đội trưởng đội Xây dựng cơ bản Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
10/2007 - 02/2009	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Xí nghiệp xây lắp Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
02/2009 - 07/2009	Phó Giám đốc Nhà máy nước Đà Lạt - Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
07/2009 - 10/2011	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Xí nghiệp xây lắp Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
10/2011 - 09/2012	Chuyên viên phòng Quản lý Xây dựng Sở Xây dựng Lâm Đồng.
09/2012 - 09/2017	Phó trưởng phòng PTĐT&HTKT - Sở Xây dựng Lâm Đồng.
09/2017 - 06/2018	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng
06/2018 - 08/2020	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
09/2020 – Nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: đại diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn NN (SCIC): 22.059.047 cổ phiếu (chiếm 27,99% vốn điều lệ).



**Ông BÙI HOÀNG TRƯỜNG VĨ**

Quyền Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 07/03/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

**Quá trình làm việc:**

03/2004 - 10/2007	Nhân viên phòng Kế toán tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
11/2007 - 12/2011	Nhân viên phòng Quản lý chất lượng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
01/2012 - 06/2018	Nhân viên phòng kế toán tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
06/2018 - nay	Quyền kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Cá nhân: 1.300 Cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022**

Thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2022: Không có.

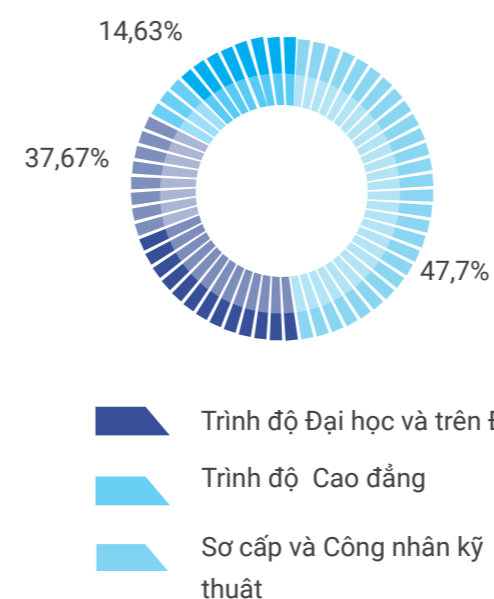


**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN**

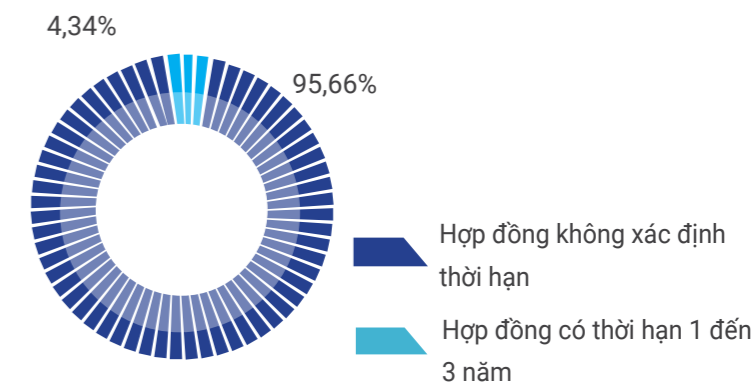
( tính đến 31/12/2022)

STT	Chỉ tiêu	2021		2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>369</b>	<b>100</b>	<b>368</b>	<b>100</b>
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	139	37,67	139	37,77
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	54	14,63	58	15,76
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	176	47,7	171	46,47
<b>II</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>369</b>	<b>100</b>	<b>368</b>	<b>100</b>
1	Nam	269	72,9	268	72,83
2	Nữ	100	27,1	100	27,17
<b>III</b>	<b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>	<b>369</b>	<b>100</b>	<b>368</b>	<b>100</b>
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	16	4,34	23	6,25
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	353	95,66	345	93,75
<b>Tổng cộng</b>		<b>369</b>	<b>100</b>	<b>368</b>	<b>100</b>

**Theo Trình độ lao động**



**Theo Thời hạn Hợp đồng lao động**



**Theo Giới tính**



**BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN CƠ CẤU CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN TRONG NĂM 2022**



### VỀ TUYỂN DỤNG

Để đảm bảo luôn là nhân tố cung cấp nước sạch duy nhất và uy tín trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Lawaco luôn sử dụng nguyên vật liệu đầu vào chất lượng cũng như những nhân viên, kỹ sư có tay nghề cao. Nhân viên được tuyển dụng vào công ty phải đảm bảo tất cả yếu tố về kỹ năng và tinh thần làm việc. Công ty luôn ưu tiên những ứng viên hiểu rõ từng khâu, kỹ càng trong từng chi tiết, luôn nghiên cứu công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng trong vận hành.

### MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp duy trì năng suất làm việc của người lao động. LAWACO luôn cố gắng tạo ra bầu không khí thân thiện, năng động và chuyên nghiệp nhất giúp nhân viên có đủ không gian để phát triển và sáng tạo. Ngoài ra, doanh nghiệp luôn nỗ lực xây dựng một tổ chức có môi trường làm việc lành mạnh, ứng xử thân thiện cùng với thái độ làm việc tốt. Một môi trường làm việc lành mạnh sẽ giúp thu hút những ứng cử viên có tiềm năng cũng như gắn kết nhân viên nội bộ trong công ty, từ đó thúc đẩy nhân viên tiếp tục làm việc và nỗ lực vì lợi ích của doanh nghiệp.

### VỀ ĐÀO TẠO

Con người là nhân tố quan trọng không thể thiếu trong quá trình phát triển của doanh nghiệp. Có thể nói rằng công sức, sự sáng tạo của nhân viên chính là tài sản vô hình vô cùng quý giá của công ty. Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng luôn luôn thấu hiểu được điều đó có ý nghĩa quan trọng đối với sự thành công của doanh nghiệp. Hơn nữa, điều tiên quyết dẫn đến thành công của một doanh nghiệp là sự cố gắng không ngừng từ các bộ phận, phòng ban nói chung và từng cá nhân nói riêng. Vì vậy, trong năm 2022, LAWACO đã tổ chức thi và nâng bậc nghề cho người lao động làm công việc trực tiếp; cử nhân sự tham gia thi chứng chỉ hành nghề xây dựng, chứng chỉ đấu thầu; cử nhân sự tham gia các cuộc hội thảo về chống thất thoát nước, áp dụng công nghệ, phần mềm trong vận hành quản lý nước; cử nhân sự tham gia tập huấn về các chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội...



## VỀ LƯƠNG, THƯỞNG

Chính sách lương, thưởng của công ty dành cho CBCNV luôn tăng dần qua các năm theo từng vị trí và mức độ hoàn thành của từng công việc để xây dựng sự công tâm giữa những nhân viên có chuyên môn cao và những nhân viên mới.

Ngoài ra, nắm bắt tinh thần của Người lao động là được khen thưởng khi hoàn thành vượt mức mong đợi, Công ty có những chính sách lương thưởng dành cho CBCNV có thành tích tốt, thưởng theo kết quả công việc nhằm tạo động lực, khuyến khích người lao động không ngừng cố gắng nâng cao hiệu suất làm việc, nghiên cứu những phát minh mới làm mới cách thức làm việc để cải thiện hiệu quả công việc.



## VỀ PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Nhằm khuyến khích, động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty luôn chú trọng tới các quyền lợi của nhân viên, thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi như đề ra các điều kiện làm việc, chế độ Bảo hộ người lao động, các khoá đào tạo quản trị, kỹ thuật cho nhân viên nâng cao tay nghề...

Công ty cũng chú trọng các vấn đề liên quan đến việc đóng bảo hiểm cho người lao động. Bên cạnh các loại bảo hiểm theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật, Công ty còn bổ sung các quyền lợi như khám sức khỏe, bảo hiểm cho người thân...

Công ty cũng quan tâm đến đời sống vật chất của nhân viên cũng như tinh thần bằng cách chi trả thêm các khoản phụ cấp ăn trưa, hiếu hỉ, ma chay... Ngoài ra, công ty gia tăng sự hài lòng của nhân viên đối với công ty bằng cách xây dựng văn hoá văn minh nơi làm việc, tất cả nhân viên được coi trọng, được đánh giá công bằng, được hỗ trợ và có cơ hội phát triển năng lực.

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

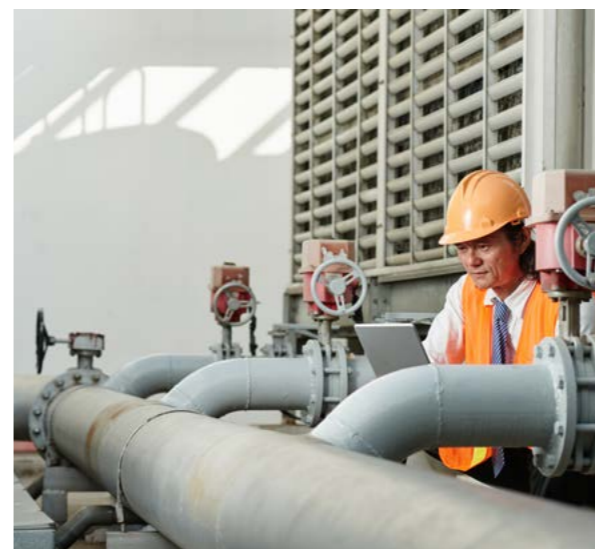
Xây dựng Nhà máy nước Phát Chi – xã Trạm Hành: Khởi công xây dựng vào tháng 06/2020 và hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 28/06/2022 đảm bảo cung cấp nước sạch, ổn định cho người dân tại địa bàn Trại Mát - Phường 11, xã Xuân Thọ, xã Xuân Trường, xã Trạm Hành.

Giá trị quyết toán là: 17.939 triệu đồng.

## CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI VÀ CẢI TẠO NÂNG CẤP

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Thực hiện 2022
1	226 PK công trình cho các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty thực hiện	18.552
2	29 PK công trình thuộc hạng mục Khác của năm 2021 chuyển sang	2.373
3	10 PK công trình từ nguồn vốn bên ngoài do khách hàng thanh toán	1.138



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG ĐỨC TRỌNG

Địa chỉ:	Số 81 đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng, Việt Nam
Ngành kinh doanh chính:	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Vốn điều lệ:	13.500.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của LDW:	32,10% Vốn điều lệ

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%2022/2021
Vốn điều lệ	13.500	13.500	100,00%
Tổng giá trị tài sản	24.374	28.311	116,16%
Doanh thu thuần	10.670	11.930	111,81%
Lợi nhuận trước thuế	3.520	3.948	112,16%
Lợi nhuận sau thuế	2.763	3.948	112,13%

### CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH

Địa chỉ:	524 Hùng Vương, Thị trấn Di Linh, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Ngành kinh doanh chính:	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Vốn điều lệ:	14.980.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của LDW:	37,01% Vốn điều lệ

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%2022/2021
Vốn điều lệ	14.980	14.980	100,00%
Tổng giá trị tài sản	31.971	30.527	95,48%
Doanh thu thuần	19.624	19.210	97,89%
Lợi nhuận trước thuế	1.917	1.630	85,03%
Lợi nhuận sau thuế	1.525	1.292	84,72%





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHUNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	1.460.887	1.173.258	80,31%
2	Doanh thu thuần	233.902	277.558	118,66%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.276	71.431	161,33%
4	Lợi nhuận trước thuế	43.228	70.934	164,09%
5	Lợi nhuận sau thuế	34.458	56.674	164,47%

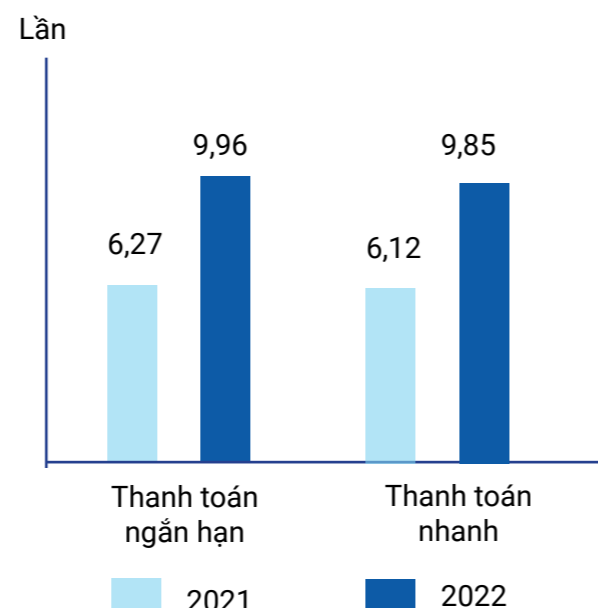
## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,27	9,96
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,12	9,85
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,84	23,17
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	24,75	30,16
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,77	26,57
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,16	0,21
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	14,73	20,42
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,92	5,47
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,32	4,30
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	18,93	25,74

# CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

## CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG THANH TOÁN

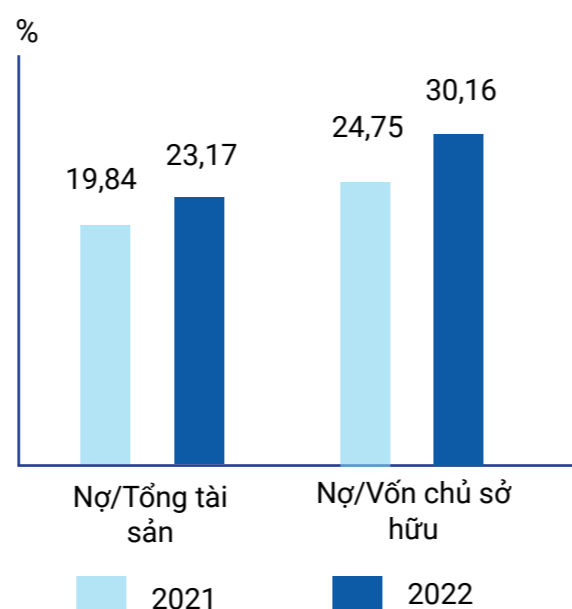
LAWACO đã có sự cải thiện đáng kể trong khả năng thanh toán, cho thấy sức mạnh tài chính của công ty có thể đáp ứng được các khoản nợ ngắn hạn. Trong năm 2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty tiếp tục được cải thiện, với hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 9,96 lần và 9,85 lần. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy nhờ việc thu tiền từ việc bán cổ phần để giữ lại đầu tư phát triển và đang được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất trong năm 2022 tăng cao.



## CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN

Trong những năm gần đây, công ty LDW luôn giữ vững tình hình tài chính ổn định và ưu tiên sử dụng nguồn vốn tự có để tài trợ cho các dự án. Do đó, tổng nợ của công ty trong năm 2022 chiếm 23,17% tổng tài sản và 30,16% vốn chủ sở hữu. Cả hai chỉ tiêu Nợ/ Tổng tài sản và Nợ/ Vốn chủ sở hữu đều tăng mạnh so với năm 2021. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 19,84% lên 23,17% cho thấy cơ cấu nguồn vốn của LDW khá chênh lệch với 23,17% nợ và 76,83% vốn chủ sở hữu. Cụ thể, Nợ phải trả giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm. Điều này là do công ty đã dần trả các khoản vay nợ dài hạn trong năm qua, bao gồm khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt và khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng.

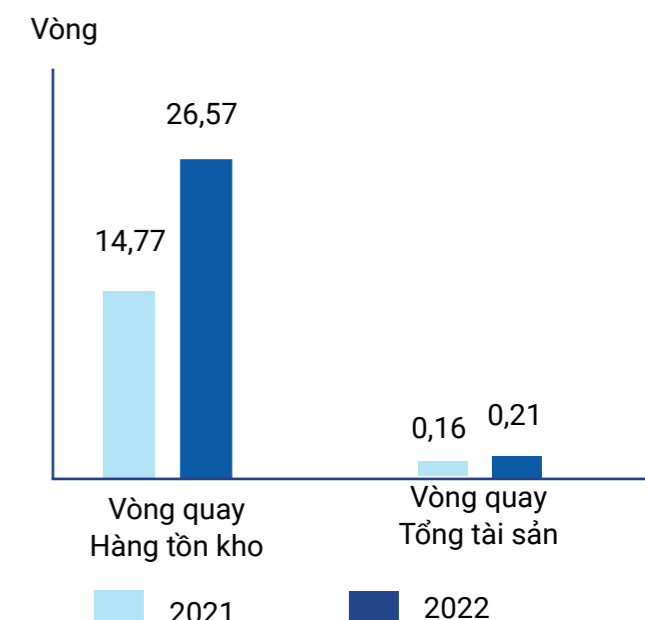
Tổng tài sản giảm 295 tỷ do Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý vào ngày 14 tháng 4 năm 2022.



## CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

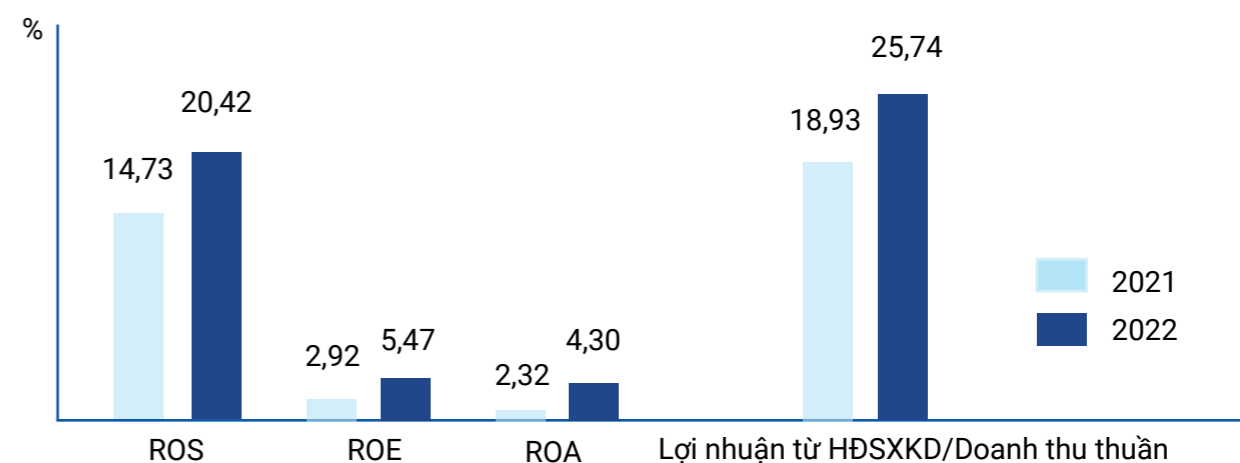
Trong năm 2022, vòng quay hàng tồn kho của LAWACO đã có sự biến động đáng kể, tăng lên từ 14,77 vòng lên 26,57 vòng. Điều này đánh dấu một tín hiệu tích cực đối với công ty khi giá vốn hàng bán tăng tương ứng với việc tăng doanh thu khi đơn giá bán bình quân năm 2022 của LAWACO đạt 12.544 đồng/m<sup>3</sup>, tăng 486 đồng/m<sup>3</sup> so với kế hoạch ban đầu. Tăng giá bán đóng vai trò quan trọng trong việc tăng doanh thu của công ty một cách hiệu quả.

Đối với chỉ số về vòng quay tổng tài sản, do tính chất ngành nghề cung cấp nước nên tài sản của LAWACO rất lớn, khiến vòng quay tổng tài sản tương đối nhỏ. Mặc dù vậy, việc vòng quay tài sản không có sự thay đổi nhiều qua các năm đã cho thấy sự ổn định trong hoạt động của công ty. Điều này chứng tỏ công ty đã duy trì hiệu quả hoạt động ở mức ổn định và tiếp tục phát triển trong tương lai.



## CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty tương đối thuận lợi. Với kết quả kinh doanh đáng tự hào, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của LAWACO đều tăng so với cùng kỳ 2021. Cụ thể, các chỉ số ROS, ROE, ROA và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần lần lượt đạt 20,42%, 5,47%, 4,30%, 25,74%; tăng 40,46%, 89,7%, 87,95% và 38% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính là nhờ vào sự phục hồi và phát triển của các ngành kinh doanh chủ lực tại tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là do lượng tiêu thụ nước từ khách du lịch đã tăng lên sau dịch Covid. Bên cạnh đó, việc hoàn thành công trình xây dựng nhà máy Phát Chi - xã Trạm Hành vào ngày 28/06/2022 cũng đóng góp vào việc gia tăng sản lượng sản xuất nước sạch của Công ty.



# **CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

## CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	78.800.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	78.800.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ:	Không có
Loại cổ phần:	Cổ phiếu thường
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 22/06/2022

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần (CP)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC</b>	<b>1</b>	<b>31.512.924</b>	<b>315.129.240.000</b>	<b>39,99%</b>
<b>II</b>	<b>CỔ ĐÔNG LỚN</b>	<b>4</b>	<b>46.213.676</b>	<b>462.136.760.000</b>	<b>58,65%</b>
1	Trong nước	4	46.213.676	462.136.760.000	58,65%
-	Tổ chức	3	32.237.783	322.377.830.000	40,91%
-	Cá nhân	1	13.975.893	139.758.930.000	17,74%
2	Nước ngoài	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>CỔ ĐÔNG KHÁC</b>	<b>412</b>	<b>1.073.400</b>	<b>10.734.000.000</b>	<b>1,36%</b>
1	Trong nước	412	1.073.400	10.734.000.000	1,36%
2	Nước ngoài	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng (I+ II+III)</b>	<b>417</b>	<b>78.800.000</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>100%</b>

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Từ khi thành lập đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ.**

**CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: KHÔNG CÓ**

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

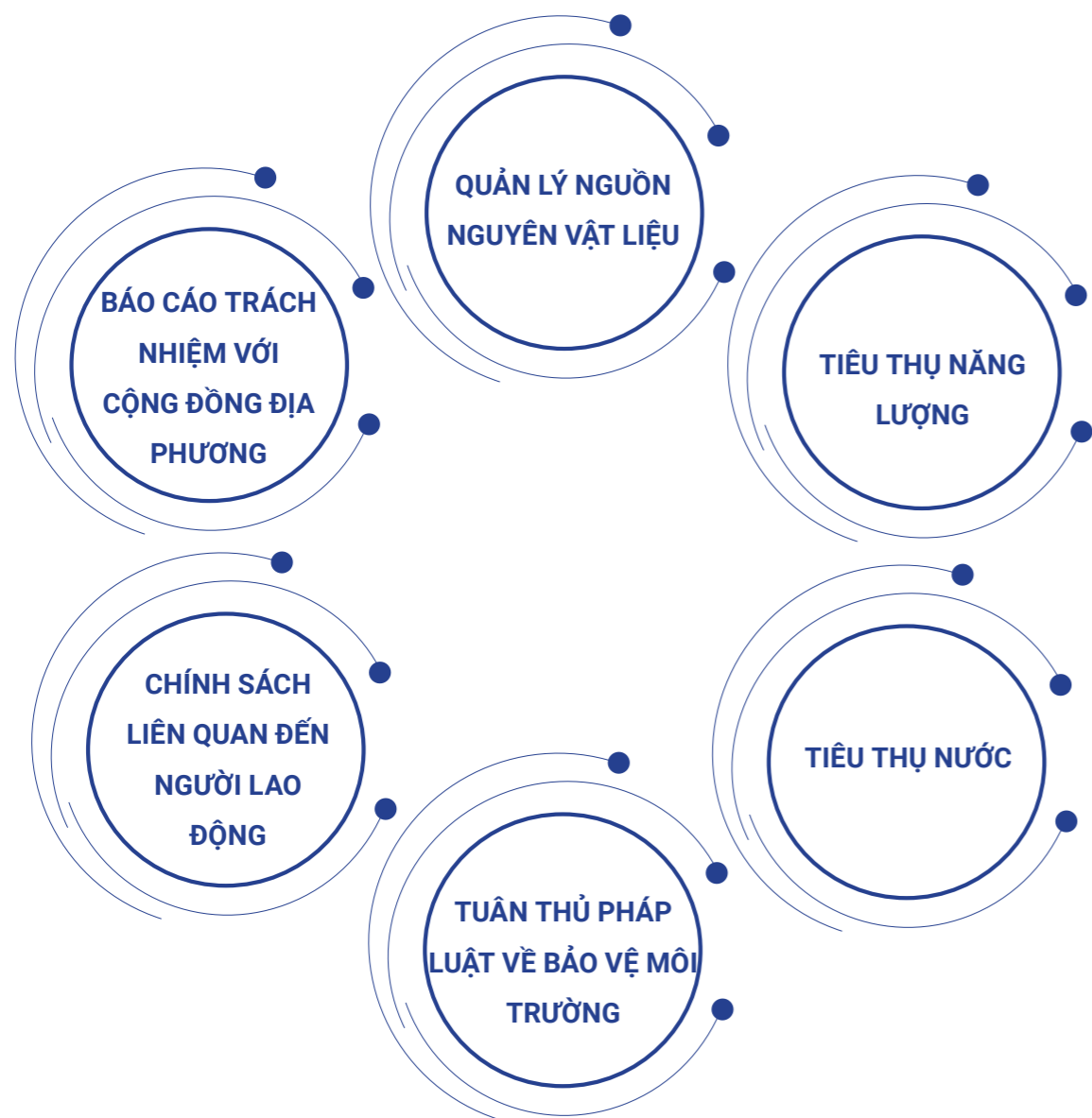
(Tính tại ngày 22/06/2022)

STT	Tên cá nhân/ Tổ chức/ Người đại diện	Phân loại cổ đông		Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn		
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn NN (SCIC)	x	x	31.512.924	39,99%
2	Công Ty CP Cấp Thoát Nước Thủy Anh		x	12.502.601	15,87%
3	Công ty cổ phần Golden Stream		x	9.000.000	11,42%
4	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Mesa		x	10.735.182	13,62%
5	Trương Thị Mỹ An		x	13.975.893	17,74%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>77.726.600</b>	<b>98,64%</b>



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Năm 2022 vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Bên cạnh việc tập trung vào hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn luôn ý thức được tầm quan trọng về mục tiêu phát triển bền vững. Việc hoạt động sản xuất kinh doanh đi kèm với bảo vệ môi trường và xã hội.







# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty thường xuyên kiểm tra, theo dõi và quản lý hồ sơ chất lượng định kỳ theo đúng quy định nhằm đảm bảo tiêu chuẩn đầu ra.

Ngoài ra với mục tiêu giảm thất thoát nước, công ty tăng cường kiểm tra và không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường, cụ thể là ở khu vực sản xuất và các khu vực xung quanh.

Lawaco tích cực khuyến khích tham gia trồng rừng, tái tạo môi trường tại các khu vực hoạt động để bảo tồn và duy trì hệ sinh thái, chủ động nộp thuế tài nguyên, dịch vụ môi trường rừng và các loại thuế phí khác theo đúng quy định.

Luôn duy trì và thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, khuyến khích cán bộ công nhân viên tuyên truyền, tham gia công tác bảo vệ môi trường.

Tất các nhà máy sản xuất nước sạch trực thuộc Công ty đều đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp phép khai thác, sử dụng Tài nguyên nước. Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện gia hạn và điều chỉnh các giấy phép khai thác nước tại trạm cấp nước Đ'ran – Nhà máy nước Đơn Dương, nhà máy nước Dankia – Nhà máy nước Đà Lạt; Xin cấp mới giấy phép khai thác cho Nhà máy nước Hồ Than Thở - Nhà máy nước Đà Lạt.

Công ty đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động cho các trạm khai thác nước dưới đất; thực hiện đúng theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường, cập nhật dữ liệu định kỳ vào hệ thống quản lý của Sở TNMT.

Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương xác định ranh giới, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.



## Tiêu thụ năng lượng

Hai nguồn nhiên liệu quan trọng là điện năng và xăng dầu được sử dụng cho việc vận hành các máy móc như hệ thống xử lý nước, máy bơm và cung cấp điện chiếu sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng... Đây là hai nguồn năng lượng thiết yếu đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty. Lawaco luôn nêu rõ vấn đề tiết kiệm năng lượng đối với cán bộ công nhân viên, các kỹ sư điện sử dụng máy móc nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn năng lượng, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.



## Tiêu thụ nước

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm đồng là đơn vị duy nhất chuyên trách khai thác và sản xuất nước cho địa bàn tỉnh Lâm Đồng (ngoại trừ thành phố Bảo Lộc, huyện Di Linh và thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, huyện Cát Tiên). Theo đó, Lawaco hiểu rõ được tầm quan trọng của mình với đời sống sinh hoạt cũng như hoạt động kinh doanh. Hiện tại, Công ty khai thác tại 2 nguồn chính là nước mặt (chủ yếu từ hồ Dankia, hồ Than Thở, hồ Đa Thiện, hồ Chiên Thang...) và nước ngầm từ các nhà máy do Công ty xây dựng (bao gồm như Nhà máy nước Bảo Lâm, Lâm Hà, Đam Rông, Đa Huoai, Đa Tẻ, Đơn Dương). Vai trò của Công ty là đảm bảo nhu cầu tiêu thụ nước của địa bàn tỉnh Lâm Đồng cùng với trách nhiệm khai thác, xử lý và cung cấp nước phù hợp với sự cho phép của nhà nước, tuân thủ các quy định về tài nguyên môi trường.



## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động kinh doanh chính của Lawaco là khai thác và sản xuất nước sạch vì vậy nguyên liệu chủ yếu được sử dụng để sản xuất là phèn, soda, clo. Lawaco có 4 đối tượng khách hàng chính: sinh hoạt, hành chính sự nghiệp, sản xuất vật chất, kinh doanh dịch vụ. Công ty sử dụng khối lượng nguyên vật liệu phù hợp tiêu chuẩn để sản xuất. Với mục tiêu luôn luôn đem đến cho khách hàng nguồn nước sạch chất lượng, Lawaco chú trọng khâu bảo quản các hóa chất xử lý nước. Bên cạnh đó, các nguyên vật liệu này được sử dụng trực tiếp để xử lý nước, nước thải và sau đó cung cấp trực tiếp cho khách hàng (nước sinh hoạt) hoặc thải trực tiếp ra môi trường (sau khi xử lý và đạt tiêu chuẩn theo quy định). Vì vậy, nguyên vật liệu sẽ không được tái chế.

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty ổn định và giá thành ít thay đổi nên ít ảnh hưởng đến tình hình sản xuất. Hơn nữa, giá nguyên vật liệu được tính vào thành phẩm nên những biến động này rất nhỏ. Ngoài ra, nguồn nước không ổn định do phụ thuộc vào thời tiết, gây nên thiếu nước do hạn hán. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh.



## BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các mục tiêu hướng đến kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến trách nhiệm đối với xã hội là sự phát triển bền vững trong tương lai của doanh nghiệp. Đầu tiên là các chính sách nhằm bảo vệ môi trường, giữ gìn không khí trong sạch cho địa bàn nhân dân thành phố Đà Lạt. Bên cạnh đó là các chính sách an sinh xã hội, trao tặng quà vào các ngày lễ cho các cựu chiến binh, người già, người tàn tật và trẻ em cùng với sự ủng hộ khi địa bàn khu vực hoạt động gặp khó khăn như thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh...



## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, LDW rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



# CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

## SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH

Số lượng nhân viên hiện tại của Công ty: 368 người.

Mức lương trung bình: 12.647.000 đồng/tháng/người

## HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn cố gắng hoàn thiện các chính sách dành cho nhân viên, tạo điều kiện cho người lao động nâng cao chất lượng cuộc sống. Đào tạo nhân sự là hoạt động mà Lawaco chú trọng phát triển, đặc biệt là trong thị trường lao động liên tục phát triển dựa trên các yếu tố bền vững, kiến thức và năng lực phải được nâng cao mới đáp ứng được yêu cầu của thị trường.



## CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng chế độ tiền lương, chính sách chăm sóc sức khỏe cho nhân viên. Đặt ra các chế độ thưởng, phạt theo năng lực và thành tích nhằm tạo động lực cho nhân viên phát huy hết khả năng mà họ đang có.

Công ty luôn cố gắng hoàn thiện các chính sách dành cho nhân viên, tạo điều kiện cho người lao động nâng cao chất lượng cuộc sống. Ngoài ra, công ty còn lập ra các chính sách an sinh xã hội dành cho người lao động bao gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm hưu trí, Bảo hiểm y tế... cùng với đó là xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, tôn trọng hướng tới người lao động.

Năm 2022, Công ty thực hiện đầy đủ công tác về an toàn vệ sinh lao động. Công ty cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho người lao động; tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; cử nhân sự tham gia huấn luyện phòng cháy chữa cháy; Công ty cũng tiến hành diễn tập phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra; trang bị bảo hiểm và kiểm định xe, máy móc thiết bị đầy đủ theo quy định.





# 3 BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 3 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- 4 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- 5 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022		TH 2021	% TH 2022/ KH 2022	% TH 2022/ TH 2021
		Kế hoạch	Thực hiện			
1	Doanh thu thuần	247.169	277.558	233.902	112,29%	118,66%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	46.132	71.431	44.276	154,83%	161,33%
4	Lợi nhuận trước thuế	46.332	70.934	43.228	153,10%	164,09%
5	Lợi nhuận sau thuế	-	56.674	34.458	-	164,47%

Đây là kết quả xứng đáng với những nỗ lực đến từ tập thể Công ty. Đặc biệt là Lợi nhuận trước thuế đạt 70.934 triệu đồng, vượt 53,10% so với kế hoạch đề ra.

## THUẬN LỢI

Công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty đã chủ động hơn, vai trò Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty phát huy hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Vẫn tiếp tục duy trì phối hợp nhịp nhàng qua các kênh thông tin mạng, góp phần cho dịch vụ cung cấp khách hàng ngày càng nhanh chóng và kịp thời.

Nền kinh tế cả nước nói chung cũng như tỉnh Lâm Đồng có nhiều chuyển biến tích cực, một số ngành nghề kinh doanh chủ lực của tỉnh Lâm Đồng từng bước dần hồi phục và phát triển đặc biệt ngành du lịch có những bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua dẫn tới doanh thu nước sạch đối với các đơn vị, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tăng đáng kể.

Nhà máy nước Phát Chi xã Trạm Hành đã hoàn thành và đưa vào vận hành trong tháng 07 năm 2022 đảm bảo cung cấp nước sạch, ổn định cho người dân tại địa bàn Trại Mát -Phường 11, xã Xuân Thọ, xã Xuân Trường, xã Trạm Hành.

Nguồn cung cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt dần ổn định nên Công ty đã luôn đảm bảo nhu cầu dùng nước sạch của khách hàng trên địa bàn thành phố Đà Lạt, đặc biệt là vào các dịp Lễ, Tết ...

Tinh thần đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ, công khai của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng là một thuận lợi để cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty đạt kết quả tốt.

## KHÓ KHĂN

Công ty hiện đang quản lý tất cả các nhà máy nước của các huyện, địa bàn quản lý rộng, phân tán nhưng qui mô các nhà máy lại không lớn, hiệu quả kinh doanh của các nhà máy các huyện không cao.

Chi phí thay đổi theo thị trường làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tình trạng máy móc thiết bị hoạt động trong thời gian dài, dẫn đến một số máy móc bị rò rỉ. Đây là nguyên nhân chính của tỷ lệ thất thoát nước ngày càng tăng. Không chỉ vậy, tình trạng này còn làm tăng chi phí sửa chữa, thay thế thiết bị mới .

Thành phố Đà Lạt và các huyện cải tạo nâng cấp nhiều tuyến đường giao thông gây bể vỡ nên việc khắc phục sự cố bể vỡ giảm tỷ lệ thất thoát ở các đơn vị còn gặp nhiều khó khăn.

Theo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhiều lĩnh vực như chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến khoáng sản, công nghiệp nhẹ, phát triển thủy điện bậc thang đòi hỏi cần dùng nhiều nước và thải ra lượng nước thải khoảng 50-80% nhu cầu dùng nước, đây là mối đe dọa tiềm tàng đến ô nhiễm môi trường nước.

Tình trạng không sử dụng dịch vụ cấp nước ngày càng gia tăng.

Nguồn nước phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Các trạm cấp nước thường xuyên xảy ra thiếu nước vào mùa khô như: Trạm cấp nước Đ'ran, Trạm cấp nước Đạm Ri; Trữ lượng nước ngầm của các trạm tại NMN Bảo Lâm đã cạn dần và xảy ra hiện tượng thiếu nước. Chất lượng nước hồ Dankia, hồ Đa Thiện, hồ Đalyon ngày càng suy giảm, độ đục, mùi tăng cao, gây khó khăn trong khâu xử lý nước và tiêu hao nhiều hóa chất.

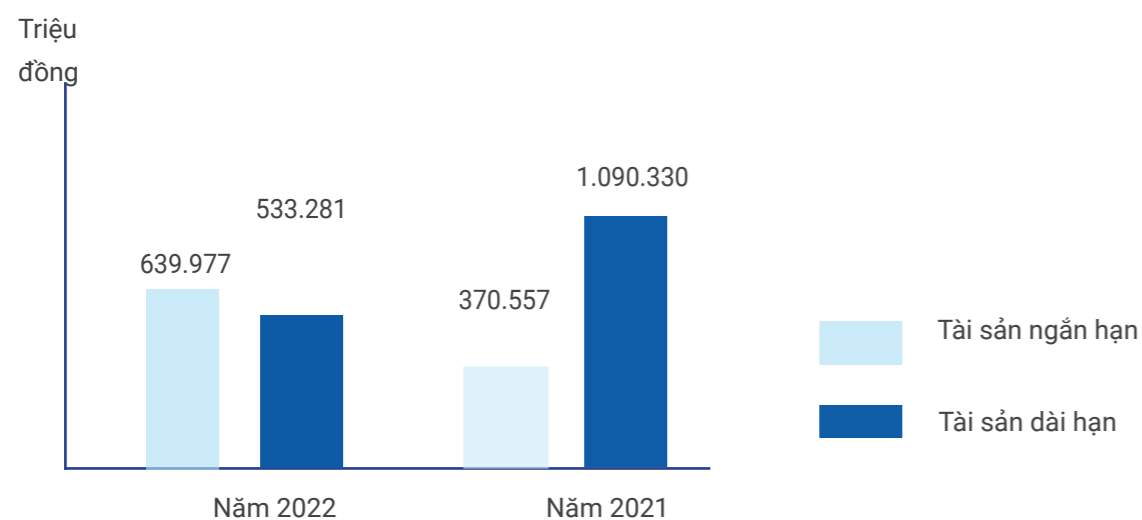
Lượng khách hàng tăng, nhu cầu sử dụng nước tăng trong khi hệ thống đường ống cấp còn bất cập như cũ, mục gãy bể vỡ... đã ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ gây tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nhu cầu dùng nước của khách hàng không ổn định theo khu vực và theo thời điểm, gây khó khăn trong công tác điều hành sản xuất nước sạch và đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khai thác và sử dụng nguồn nước. Theo Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012, Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020, và Nghị định số 04/2022-NĐ-CP ngày 06/1/2022 khi chưa điều chỉnh giấy phép khai thác mà tự ý khai thác vượt công suất hoặc công suất khai thác không đạt 70% lưu lượng khai thác cho phép thì sẽ bị xử phạt vi phạm và buộc phải nộp lại số lợi bất hợp pháp.

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Tài sản	31/12/2022		31/12/2021		% tăng/giảm 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	639.977	54,55%	370.557	25,37%	+72,71%
Tài sản dài hạn	533.281	45,45%	1.090.330	74,63%	-51,09%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.173.258</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.460.887</b>	<b>100,00%</b>	<b>-19,69%</b>

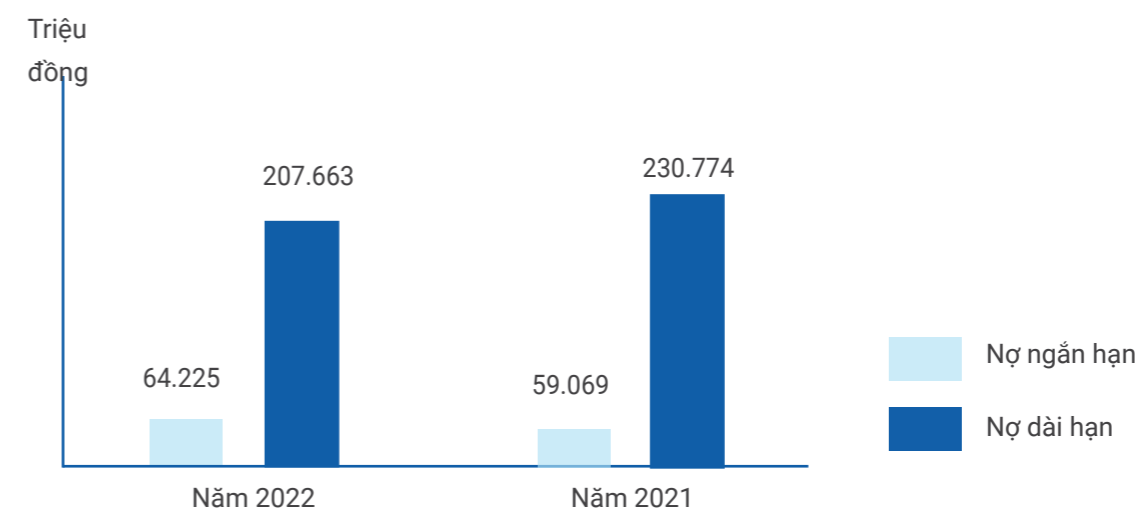


LAWACO đã ghi nhận một sự suy giảm đáng kể trong Tổng tài sản của Công ty vào năm 2022, khi số liệu cho thấy giảm 19,69% so với năm 2021. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn đã tăng lên tới 72,71% so với năm trước, đạt 269.419 triệu đồng. Điều này chủ yếu đến từ Công ty giữ lại số tiền bán cổ phần sau khi Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu năm 2018. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ tăng vốn chủ sở hữu, Công ty đem gửi tại các ngân hàng thương mại dẫn đến sự tăng trưởng đáng kể trong khoản tiền gửi có kỳ hạn. Ngược lại, tài sản dài hạn đã giảm đáng kể lên đến 48,91% so với năm 2021, chiếm 45,45% tổng tài sản năm 2022, đạt 533.281 triệu đồng. Điều này là do công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo các khoản vay. Mặc dù tổng tài sản giảm, tuy nhiên, sự thay đổi cơ cấu tài sản cho thấy sự đồng đều và khả năng quản lý tài chính hiệu quả của LAWACO.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2021		% tăng/giảm 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	64.225	23,62%	59.069	20,38%	+ 8,73%
Nợ dài hạn	207.663	76,38%	230.775	79,62%	-10,02%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>271.888</b>	<b>100,00%</b>	<b>289.844</b>	<b>100,00%</b>	<b>-6,20%</b>



Trong năm 2022, LAWACO duy trì cơ cấu nợ phải trả, với tỷ lệ nợ dài hạn chiếm 76,38% và nợ ngắn hạn chiếm 23,62%. Tuy nhiên, nợ vay ngắn hạn tăng nhẹ 8,7%, chủ yếu là do các khoản thuế phải nộp tăng thêm 8.382 triệu đồng.

Trong khi đó, nợ dài hạn giảm 10,02%, tương đương với 23.112 triệu đồng. Trong đó nợ vay dài hạn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nợ dài hạn. Các khoản nợ này được vay từ World Bank để tài trợ cho tiểu dự án Cấp nước Lâm Đồng với lãi suất 3%/năm và dự án Cấp nước Đà Lạt với lãi suất 6,75%/năm. Trong năm, Công ty đã thanh toán dần nợ dài hạn, dẫn đến giảm tổng số nợ dài hạn.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Thiết lập DMA toàn Công ty và truyền dữ liệu về hệ thống SCADA. Kiểm tra báo cáo các thiết bị Scada, Camera giám sát, hệ thống điện lưới, trụ cổng, van điều khiển các bể chứa; Kiểm tra định kỳ, khắc phục sửa lỗi 24/24 các vấn đề về tín hiệu đường truyền và liên quan đến máy chủ Scada.
- Chương trình ghi thu Wasspro Mobile App đã tổng hợp, thống kê số liệu nhanh chóng, nhiều bộ phận liên quan đều có thể truy cập khai thác dữ liệu cần thiết, các chương trình quản lý sử dụng hoá đơn điện tử, mở rộng các kênh thu tiền phi truyền thống ... đã tác động và góp phần hiệu quả đến công nợ tiền nước khách hàng.
- Thực hiện khảo sát thiết kế các hạng mục xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn theo kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.
- Thực hiện tư vấn các công trình khác, các hạng mục sửa chữa khi Công ty yêu cầu.
- Giải quyết đơn thư kiến nghị của khách hàng gửi Công ty.
- Quản lý vận hành tất cả các công đoạn xử lý nước thải; Thực hiện công tác vệ sinh định kỳ các bể (lắng, lắng cát, lọc...), song chắn rác, hầm bơm, trạm bơm.



## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
<b>A</b>	<b>Sản xuất công nghiệp</b>		
<b>1</b>	<b>Nước sản xuất</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>25.204.077</b>
-	Nước Công ty sản xuất	m <sup>3</sup>	12.794.077
-	Nước mua SG-ĐK	m <sup>3</sup>	10.950.000
-	Nước mua Tuyền Lâm	m <sup>3</sup>	1.460.000
<b>2</b>	<b>Nước Ghi thu</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>20.414.279</b>
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ thất thoát</b>	<b>%</b>	<b>19,004</b>
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ tồn thu</b>	<b>%</b>	
<b>5</b>	<b>Phát triển khách hàng</b>	<b>hộ</b>	<b>3.020</b>
<b>6</b>	<b>Tổng số khách hàng</b>	<b>hộ</b>	<b>93.703</b>
<b>B</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>331.958</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu hoạt động SXKD</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>285.885</b>
<b>2</b>	<b>Xây dựng lắp đặt HTCN</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>10.223</b>
<b>C</b>	<b>Giá bán bình quân</b>	<b>VNĐ/m<sup>3</sup></b>	<b>12.544</b>
<b>D</b>	<b>Dịch vụ thoát nước</b>		
<b>1</b>	<b>Xử lý nước thải</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>3.139.000</b>
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>18.364</b>





# 4 **BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!**

- 1 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 2 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
- 3 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ








# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY





STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2022	TH 2022	TH 2022/ KH2022
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	247.169	277.558	112,29%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	46.332	70.934	153,10%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-	56.674	-



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

-  Ban Tổng giám đốc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.
-  Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ nghiêm túc và hiệu quả.
-  Xây dựng báo cáo đánh giá chi tiết về tác động của hoạt động đầu tư mới và các sửa chữa lớn trong giai đoạn 2019 – 2021 đối với việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022.
-  Xây dựng các phương án, giải pháp phù hợp; Công tác xây dựng đúng thẩm quyền phù hợp với quy luật hiện hành và điều lệ công ty; Hoàn thành Dự án đầu tư Xây dựng hệ thống cấp nước xã Trạm Hành, TP Đà Lạt vào tháng 6/2022.
-  Chủ động lập kế hoạch trong công tác quản lý, điều hành, sử dụng vốn, sử dụng tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong BĐH để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách người lao động.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

-  Công ty cần xác định các cơ hội trong từng giai đoạn khó khăn thách thức để phát triển; tập trung sắp xếp hoàn thiện theo hướng tinh gọn, kết hợp định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.
-  Xây dựng lộ trình cụ thể để góp phần gia tăng tỷ lệ hiệu quả trong phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025 nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.
-  HĐQT tiếp tục chỉ đạo BĐH tập trung triển khai các dự án đã hoàn thành khai thác, hoàn thiện các thủ tục pháp lý.
-  HĐQT từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên HĐQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.







# 5 **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BAN KIỂM SOÁT



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

**THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT**

(Tính tại ngày 31/12/2022)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông: Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	Đại diện: 10.735.182	13,62
2	Ông: Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Đại diện: 22.059.047	27,99
3	Ông: Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	Đại diện: 12.502.601	15,87
4	Ông: Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	0	0
5	Ông: Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Đại diện: 9.453.877 Cá nhân: 3.600	12,00


**LÝ LỊCH**
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**Ông PHAN ĐÌNH TÂN**

Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Quản lý Kinh tế

**Quá trình làm việc:**

- 1972 - 1975 Cán bộ Đội công tác thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1975 - 1976 Ủy viên thư ký UBND thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1976 - 1979 Học viên Trường Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình.
- 1980 - 1990 Cán bộ Công ty Liên hiệp Thủy sản tỉnh Nghĩa Bình.
- 1990 - 2003 Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- 2003 - nay Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- 2001 - 2002 Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2003 Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2004 - 2013 Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2014 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
- 2015 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
- 2018 - nay Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa 10.735.182 cổ phiếu (chiếm 13,62% vốn điều lệ).

**Ông DƯƠNG TIẾN DŨNG**

Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành sinh vật.

**Ông TRẦN QUỐC HÙNG**

Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh.

**Quá trình làm việc**

1978 - 2014	Giảng viên, Trưởng bộ môn sinh thái khoa sinh học Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc ĐHQG TP.HCM.
2014 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh.
2017 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
06/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

Cá nhân: Không có.

Đại diện sở hữu: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh 12.502.601 cổ phiếu (chiếm 15,87% vốn điều lệ).

- Ông Nguyễn Hùng Cường - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Xem tại lý lịch Ban điều hành
- Ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc : Xem tại lý lịch Ban điều hành

**Quá trình làm việc:**

1991 - 2000	Nhân viên Khách sạn Dalat Palace & Du Parc Dalat thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
2000 - 04/2013	Phụ trách kinh doanh Sân Golf Long Thành, Đồng Nai.
05/2013	Giám đốc điều hành Sân Golf Đà Lạt, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
01/2016 - nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc điều hành Sân Golf Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
06/2018 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.





**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có.**
**HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:** Không có.

**CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tính đến 31/12/2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông: Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	5	100%
2	Ông: Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	5	100%
3	Ông: Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	5	100%
4	Ông: Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	5	100%
5	Ông: Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	5	100%

**RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM: KHÔNG CÓ**
**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM**

-  Trong năm 2022, HĐQT thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự...theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
-  HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Điều lệ của Công ty.
-  HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi Quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Điều hành, tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. Trong các kỳ họp các thành viên đã đưa ra các ý kiến định hướng, chỉ đạo các chủ trương, triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và quy định của Pháp luật.
-  Đã phân công cho từng thành viên không điều hành giám sát một số lĩnh vực trọng yếu, thành viên điều hành thì giám sát lĩnh vực không thuộc quyền điều hành của mình. Các thành viên được phân công đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, báo cáo kịp thời tại các cuộc họp HĐQT trong 6 tháng đầu năm 2022.

**NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC BAN HÀNH**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I	<b>Nghị quyết</b>		
1	01/2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	1. Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021. 2. Phân công chuẩn bị tài liệu.
2	02/2022/NQ-HĐQT	17/02/2022	Thống nhất gia hạn thời gian thực hiện hoàn thành các hạng mục thuộc Dự án đầu tư Xây dựng hệ thống cấp nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt. 1. Thống nhất hồ sơ tài liệu chính thức sử dụng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 như sau: Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm soát; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; +Tờ trình số 01 về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán; +Tờ trình số 02 về việc thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 2021; +Tờ trình số 03 về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2021; + Tờ trình số 04 về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2021; + Tờ trình số 05 về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2022; + Tờ trình số 06 về việc thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022; + Tờ trình số 07 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021; + Tờ trình số 08 về việc thông qua Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và dự kiến thù lao của HĐQT, BKS năm 2022; + Tờ trình số 09 về thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023;
3	03/2022/NQ-HĐQT	06/04/022	

**NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC BAN HÀNH**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
3	03/2022/NQ-HĐQT	06/04/2022	<p>+ Tờ trình số 10 thông qua Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 và Kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 cho người lao động;</p> <p>+ Tờ trình số 11 về việc thông qua mức đề xuất thưởng khi hoàn thành mức Kế hoạch cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty.</p> <p>2. Thống nhất trình đơn xin từ nhiệm chức danh Kiểm soát viên của bà Trần Thị Thuỷ để Đại hội 2022 xem xét miễn nhiệm và bổ sung nội dung bầu bổ sung kiểm soát viên trong chương trình Đại hội 2022.</p>
4	04/2022/NQ-HĐQT	27/04/2022	<p>Thống nhất một số điều chỉnh về nội dung, số lượng tờ trình sử dụng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh chỉ tiêu cổ tức kế hoạch năm 2022 tại tờ trình số 5 là <math>\geq 3,3\%</math>;</li> <li>- Thống nhất mức trích lập hai quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2021 tại tờ trình số 07;</li> <li>- Thống nhất số lượng tờ trình còn lại sau khi điều chỉnh giảm tờ trình số 10 và 11 là 09 tờ trình.</li> </ul>
5	05/2022/NQ-HĐQT	18/05/2022	<p>1. Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, HĐQT thống nhất giao cho Ban điều hành công ty thực hiện những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá mô hình công ty để tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược tái phát triển kinh doanh.</li> <li>- Rà soát lại các kế hoạch, chương trình đã xây dựng trước đây đối chiếu với Nghị quyết Đại hội để điều chỉnh phù hợp và sớm triển khai.</li> <li>- Xây dựng báo cáo đánh giá chi tiết về tác động của hoạt động đầu tư mới và sửa chữa lớn giai đoạn 2019- 2021 đối với việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</li> <li>- Xây dựng các phương án, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch trong thời gian tới.</li> </ul> <p>2. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và ủy quyền cho TGD ký hợp đồng thực hiện.</p> <p>3. Thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 vào cuối tháng 06/2022, giao cho TGD triển khai.</p> <p>4. Thống nhất với báo cáo của Ông Nguyễn Hùng Cường (người đại diện vốn Công ty tại 2 công ty liên kết là công ty cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Di linh và Công ty cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Đức Trọng) về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của hai công ty liên kết trên; ủy quyền cho Ông Nguyễn Hùng Cường tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của hai Công ty nói trên và báo cáo HĐQT kết quả Đại hội.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	06/2022/NQ-HĐQT	16/09/2022	<p>1. Xem xét việc thực hiện Nghị quyết lần 5.</p> <p>2. Xem xét Báo cáo 6 tháng đầu năm 2022 của Ban Điều hành:</p> <p>Tỷ lệ thất thoát tại Đà Lạt khá tốt tuy nhiên tại các nhà máy huyện quá cao làm ảnh hưởng tới tỷ lệ thất thoát chung.</p> <p>Các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt kế hoạch.</p>
7	07/2022/NQ-HĐQT	12/2022	<p>1. Sơ kết chương trình chống thất thoát qua đó bổ sung cho Phương án chống thất thoát giải pháp toàn diện, triệt để hơn.</p> <p>2. Đánh giá và xác định tỷ lệ thất thu nước đối với đầu nối không sử dụng hiện có tại Công ty, qua đó xây dựng chương trình chống thất thu.</p> <p>3. Rà soát, đánh giá lại các công trình, hạng mục công trình cần đầu tư mới, sửa chữa, nâng cấp.</p> <p>4. Rà soát đánh giá lại toàn bộ các công trình Công ty đang thi công.</p> <p>5. Làm việc với Công ty CP Cấp nước và XD Di Linh về việc thanh toán sớm số tiền cổ tức năm 2021 còn nợ.</p> <p>6. Thống nhất phương pháp xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn sở hữu ("ROE") của Công ty trong những năm tiếp theo.</p> <p>7. Nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của Công ty.</p> <p>8. Công tác đầu tư dự án cần chú trọng công tác đấu thầu.</p>
<b>II Quyết định</b>			
1	01/2022/QĐ-HĐQT	22/04/2022	Thành lập Ban kiểm tra Tư cách cổ đông, Đại biểu dự ĐHCĐ thường niên công ty năm 2021.

**HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY : KHÔNG CÓ.**


**THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Tính đến 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà: Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban kiểm soát	Cá nhân: 1.200	0,00%
2	Ông: Trần Văn Thuận	Thành viên Ban kiểm soát	0	0,00%
3	Bà: Vy Thị Bé	Thành viên Ban kiểm soát	0	0,00%

**LÝ LỊCH  
BAN KIỂM SOÁT**
**Bà NGUYỄN THỊ MỸ VÂN**

Trưởng Ban Kiểm soát

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ ngân hàng

**Kinh nghiệm làm việc:**

2004 - 06/2017	Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng
07/2017 - 06/2018	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
06/2018 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.200 cổ phiếu (0,00% vốn điều lệ)

**Ông TRẦN VĂN THUẬN**

Thành viên Ban Kiểm soát

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

**Kinh nghiệm làm việc:**

11/2011 - 07/2014	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh.
08/2014 - nay	Chuyên viên Kiểm soát Tài chính Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư Quốc tế.
06/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng .

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có.

**Bà VY THỊ BÉ**

Thành viên Ban Kiểm soát

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học







**Kinh nghiệm làm việc:**

28/04/2022 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng .
------------------	--

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có.

## MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

-  Thống kê số liệu, phân loại đối với từng đối tượng khách hàng. Đề nghị rà soát lại các hợp đồng theo mẫu cũ, xem lại định mức, áp giá của khách hàng. Góp ý kiến về quy trình phát triển và dịch vụ tư vấn khách hàng.
-  Đánh giá tình hình triển khai chương trình chống thất thoát, thất thu 06 tháng đầu năm 2022 của từng đơn vị.
-  Thực hiện đánh giá hiệu quả của các công trình xây dựng cơ bản từ năm 2019 đến nay; Rà soát quy trình sửa chữa, thi công tuyến ống cấp nước tại Công ty.
-  Thống kê, đánh giá hiện trạng các tài sản, vật liệu không dùng của các đơn vị.
-  Rà soát tình hình thực hiện tiền lương năm 2022 của các đơn vị.
-  Tham gia ý kiến một số nội dung đối với các Công ty liên kết: Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng, Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Di Linh.



## SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	4/4	100%	
2	Ông Trần Văn Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	4/4	100%	
3	Bà Vy Thị Bé	Thành viên Ban Kiểm soát	2/2	100%	Bổ nhiệm từ 28/04/2022

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Kiểm tra, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2021.
- Kiểm tra, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý 4 năm 2021; Quý 1,2,3 năm 2022.
- Lựa chọn 03 đơn vị kiểm toán trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
- Phân công nhiệm vụ từng thành viên BKS.
- Thực hiện kiểm tra trực tiếp một số hoạt động tại 06 nhà máy trực thuộc và khu vực Đà Lạt.

## NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Số Văn bản	Ngày	Nội dung
1	Số 10/2021/BC-BKS	20/01/2022	Thẩm định Báo cáo tài chính quý 4/2021.
2	Số 02,03/2022/BC-BKS	10/03/2022	Đánh giá hoạt động của BKS năm 2021. Xây dựng chương trình hoạt động năm 2022, lựa chọn đơn vị kiểm toán trình ĐHCĐ thường niên 2022.
3	Số 04/2022/BC-BKS	14/03/2022	Đánh giá hoạt động của BKS năm 2021. Xây dựng chương trình hoạt động năm 2022, các báo cáo trình ĐHCĐ thường niên 2022. Báo cáo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty. Chuẩn bị tài liệu, nội dung báo cáo ĐHCĐ.
4	Số 07/2022/BC-BKS	21/04/2022	Thẩm định BCTC quý 1/2022.
5	Số 08/2022/QĐ-BKS	29/04/2022	Phân công nhiệm vụ trong BKS.
6	Số 05/2022/BC-BKS	15/08/2022	Báo cáo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022. Kiểm tra, rà soát công tác thực hiện XDDB tại Công ty.
7	Số 09/2022/BC-BKS	17/10/2022	Thẩm định Báo cáo tài chính quý 3/2022. Góp ý các quy trình chăm sóc khách hàng.

## RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM:

Nghị quyết 01/2022/NQ – ĐHCĐ ngày 28/04/2022: Miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên đối với Bà Trần Thị Thuý theo đơn đề nghị vì lý do cá nhân.

Bầu Bà Vy Thị Bé làm Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

## LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập (đồng)
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	378.274.000
2	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.122.404.001
3	Dương Tiến Dũng	Thành viên không điều hành HĐQT	164.667.000
4	Trần Quốc Hùng	Thành viên không điều hành HĐQT	164.667.000
5	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	761.541.700
6	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban kiểm soát	316.133.000
7	Trần Văn Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	103.831.000
8	Vy Thị Bé	Thành viên Ban Kiểm soát	56.240.000
9	Trần Thị Thuỷ	Thành viên Ban Kiểm soát (đã miễn nhiệm)	46.081.000
10	Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	550.487.300

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ:** Không có.



## CÁC GIAO DỊCH VỚI NHÀ CUNG CẤP BÊN NGOÀI

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Thời điểm giao dịch với công ty
1	Điện lực Lâm Đồng	Số 2 đường Hùng Vương, Phường 9, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng	Cung cấp điện	Thường xuyên
2	Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Dankia	Xã Lát, Lạc Dương, Lâm Đồng	Cung cấp nước thành phẩm	Thường xuyên
3	Công ty CP Cấp nước Tuyên Lâm	266A Lương Định Của – Quận 2 – Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp nước thành phẩm	Thường xuyên (Từ 01/01/2022 đến nay)
4	Nhà máy hoá chất Biên Hoà	Đường 5, KCN Biên Hoà, P. An Bình, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	Cung cấp hoá chất xử lý nước (clor).	Thường xuyên
5	Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Trung Lê	177/39 Đường 3/2, Phường 11, Quận 10, TP.HCM	Cung cấp hoá chất xử lý nước (phèn, soda)	Từ 01/01/2021 đến nay
6	CTY TNHH MTV Thương mại Thanh Dung	A8/16 Mai Bá Hưng, Ấp 1, xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	Cung cấp ống nước (HDPE)	Từ 01/01/2021 đến nay
7	Công ty TNHH Sài Gòn Kỹ thuật	11/4A Trần Văn Ơn, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP.HCM.	Cung cấp máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nước (Bơm, biến tần, tủ điện điều khiển).	Từ 01/01/2021 đến nay
8	Cửa hàng điện nước Phúc Lộc	05 Đào Duy Từ, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng.	Cung cấp vật tư thi công hệ thống cấp nước và dụng cụ thi công.	Từ 01/01/2021 đến nay
9	Công ty CP Hawaco Miền Nam	Tầng 8, Phòng 8.2, toà nhà E.town 3, số 364 Cộng Hoà, P13, Quận Tân Bình, TP.HCM.	Cung cấp đồng hồ nước hiệu Iron.	Từ 01/01/2021 đến nay
10	Công ty CP Công nghệ Hiền Long	B40 KDC Kim Sơn, đường Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q. Tân Phú, TP.HCM	Cung cấp hoá chất và thiết bị phòng thí nghiệm	Từ 01/01/2021 đến nay





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐƯỢC HƯỞNG

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc</b>			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	378.274.000	575.979.553
Ông Nguyễn Hùng Cường	TV. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.122.404.001	1.302.491.045
Ông Trần Quốc Hùng	TV. HĐQT	164.667.000	257.362.131
Ông Dương Tiến Dũng	TV. HĐQT	164.667.000	257.362.131
Ông Nguyễn Văn Dũng (Bổ nhiệm 28/4/2021)	TV. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	761.541.700	859.516.743
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.591.553.701</b>	<b>3.252.711.603</b>

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	316.133.000	433.640.848
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	103.831.000	156.228.138
Bà Vy Thị Bé (Bổ nhiệm 28/04/2022)	Thành viên Ban Kiểm soát	56.240.000	-
Bà Trần Thị Thuỷ (Miễn nhiệm 28/04/2022)	Thành viên Ban Kiểm soát	46.081.000	138.253.914
<b>Tổng cộng</b>		<b>522.285.000</b>	<b>728.122.900</b>

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	550.487.300	691.887.343

### GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Bên liên quan	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua	Năm 2022	Năm 2021
<b>Số dư phải thu bên liên quan</b>				
1	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	01- Chính thức NQ/ĐHCĐCNDL ngày 10/06/2022	342.252.208	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>342.252.208</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu tài chính (cổ tức) từ các bên liên quan</b>				
1	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng	01/2022/NQ-ĐHCĐ ngày 07/07/2022	433.350.000	780.288.000
2	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	01- Chính thức NQ/ĐHCĐCNDL ngày 10/06/2022	392.252.208	376.288.656
<b>Tổng cộng</b>			<b>825.602.208</b>	<b>1.156.576.656</b>





## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (LDW) rất chú trọng đến quản trị công ty và xem đây một nhân tố cốt lõi để đẩy mạnh kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như tăng cường lòng tin của nhà đầu tư và đảm bảo cho Công ty phát triển bền vững trong dài hạn. Trong đó, hệ thống quản trị Công ty cần được xây dựng dựa trên khuôn khổ pháp lý, cơ chế quản lý doanh nghiệp, và tính minh bạch trong hoạt động. Để đạt được mục tiêu đề ra trong nguyên tắc quản trị công ty, LDW đã ban hành Điều lệ Công ty năm 2021 được công bố trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN, đảm bảo nhất quán các chính sách và giúp đáp ứng được sự mong đợi của cổ đông và các bên liên quan.
- Năm 2022, mục tiêu của LDW hướng tới việc phát triển năng lực quản trị công ty cũng như giá trị nội tại của doanh nghiệp, hoàn thiện và nâng cao hoạt động của các bộ phận trong cơ cấu nội bộ để đảm bảo lợi ích chung cho cổ đông thực hiện các quyền của mình như: quyền nhận cổ tức, quyền tiếp cận thông tin của Công ty, hay quyền được tham dự, biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Những hoạt động nêu trên sẽ có ý nghĩa quyết định trong việc hỗ trợ phát triển văn hóa và đạo đức nghề nghiệp, là nền tảng cho Công ty hoạt động hiệu quả trong hiện tại và trong tương lai sắp tới.
- Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo LDW luôn quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng cùng các cấp lãnh đạo trực thuộc các phòng ban được khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn các ngành liên quan trong năm 2022 để cập nhật kiến thức, nâng cao chuyên môn và các kỹ năng khác. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để nâng cao năng lực quản trị của Công ty.





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Số: 1592/2023/BCKT-ICPA.SG

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 2 năm 2023, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



**Lương Xuân Trường**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

*[Handwritten signature]*

**Phạm Thị Toan**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2767-2019-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 2 năm 2023



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>639.976.541.359</b>	<b>370.557.462.116</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>34.833.300.809</b>	<b>25.231.261.916</b>
1. Tiền	111	V.1	34.833.300.809	25.231.261.916
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>550.860.000.000</b>	<b>278.844.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	550.860.000.000	278.844.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.194.299.914</b>	<b>57.514.489.337</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.551.249.778	28.938.000.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	468.095.880	4.330.047.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	46.275.503.930	29.438.718.187
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.104.960.760)	(5.192.276.281)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.411.086	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>7.043.556.760</b>	<b>8.967.710.863</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.379.890.344	10.377.310.508
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.336.333.584)	(1.409.599.645)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.383.876</b>	<b>-</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	45.383.876	-

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>533.281.306.747</b>	<b>1.090.329.697.386</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>330.000.000</b>	<b>228.036.580</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	330.000.000	228.036.580
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>473.630.911.617</b>	<b>780.761.085.616</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	472.217.891.079	779.236.069.422
- Nguyên giá	222		1.007.127.577.027	1.481.084.102.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(534.909.685.948)	(701.848.033.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.413.020.538	1.525.016.194
- Nguyên giá	228		2.033.591.000	2.003.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(620.570.462)	(478.574.806)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>748.686.373</b>	<b>7.952.760.520</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	748.686.373	7.952.760.520
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>38.675.252.238</b>	<b>276.125.252.238</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.125.252.238	11.125.252.238
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		27.550.000.000	265.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.896.456.519</b>	<b>25.262.562.432</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	12.536.949.897	17.826.641.383
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	221.805.631	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	7.137.700.991	7.435.921.049
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.173.257.848.105</b>	<b>1.460.887.159.502</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>271.888.013.311</b>	<b>289.844.112.386</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>64.225.322.843</b>	<b>59.069.135.673</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	14.298.020.851	12.818.767.448
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	572.822.043	1.207.665.636
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	12.211.275.514	3.829.608.622
4. Phải trả người lao động	314		7.967.609.873	9.709.869.871
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.745.626.460	2.949.634.444
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.421.091.406	1.371.417.072
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	22.793.678.239	22.793.678.241
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.215.198.457	4.388.494.339
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>207.662.690.468</b>	<b>230.774.976.713</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	439.862.275	490.687.935
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	207.068.700.585	229.862.378.815
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		154.127.608	421.909.963
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>901.369.834.794</b>	<b>1.171.043.047.116</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>901.369.834.794</b>	<b>875.708.359.169</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.853.160.429	1.200.937.430
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	12.206.383.925
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.674.027.288	34.458.390.737
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		56.674.027.288	34.458.390.737
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>295.334.687.947</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.22	-	295.334.687.947
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>1.173.257.848.105</b>	<b>1.460.887.159.502</b>

Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểuBùi Hoàng Trường VI  
Kế toán trưởngNguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2022	2021
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>277.558.293.179</b>	<b>233.902.460.940</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>277.558.293.179</b>	<b>233.902.460.940</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	212.734.277.921	196.493.363.089
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>64.824.015.258</b>	<b>37.409.097.851</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	41.909.282.468	41.346.042.816
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.257.152.308	16.651.101.221
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.257.152.308	16.651.101.221
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.892.964.529	5.199.156.890
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.152.216.196	12.628.591.222
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>71.430.964.693</b>	<b>44.276.291.334</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	745.284.892	337.612.530
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.242.089.421	1.385.836.820
<b>13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>VI.7</b>	<b>(496.804.529)</b>	<b>(1.048.224.290)</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>70.934.160.164</b>	<b>43.228.067.044</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	14.481.938.507	8.769.676.307
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(221.805.631)	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>56.674.027.288</b>	<b>34.458.390.737</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	486	374

Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểuBùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởngNguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2022	2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	300.589.610.067	254.120.889.154
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(129.306.046.437)	(114.566.621.856)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(45.665.917.009)	(45.728.732.320)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(15.425.378.247)	(16.790.663.453)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(8.464.585.712)	(9.805.745.544)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.315.131.881	2.441.190.830
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(44.803.578.161)	(45.738.122.315)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>64.239.236.382</b>	<b>23.932.194.496</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.496.787.652)	(13.687.896.962)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(313.410.000.000)	(562.344.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	300.844.000.000	562.233.353.993
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.223.268.395	41.438.343.928
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.839.519.257)</b>	<b>27.639.800.959</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.793.678.232)	(22.793.698.628)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.004.000.000)	(20.398.546.920)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(48.797.678.232)</b>	<b>(43.192.245.548)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>9.602.038.893</b>	<b>8.379.749.907</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>25.231.261.916</b>	<b>16.851.512.009</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>34.833.300.809</b>	<b>25.231.261.916</b>

Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểuBùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởngNguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi vào ngày 7 tháng 5 năm 2021 do đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 368 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 363 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đa Têh	Khu phố 6A, huyện Đa Têh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đa Huoai	Thị trấn Mađaguôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Tỉnh Lâm Đồng	37,01%	37,01%	Khai thác, kinh doanh nước sạch
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Tỉnh Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp**

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý.

Trong năm, dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

**Hệ thống đường ống nhánh**

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 297 đồng/m<sup>3</sup> ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

**Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác**

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**Thông tin bộ phận**

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

1. Tiền	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	116.677.273	146.348.534
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.716.623.536	25.084.913.382
<b>Cộng</b>	<b>34.833.300.809</b>	<b>25.231.261.916</b>
<b>2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt (i)	2.266.703.663	-
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm	2.004.963.755	1.719.872.407
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	500.000.000	-
Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng (i)	427.446.691	477.446.691
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh	-	3.628.863.931
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	22.000.000.000
	352.135.669	1.111.817.102
<b>Cộng</b>	<b>5.551.249.778</b>	<b>28.938.000.131</b>
(i) Trước khi dự án được bàn giao cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt, Công ty ký hợp đồng với Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng về việc quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải thuộc hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt. Sau khi bàn giao cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt, Công ty đã ký hợp đồng với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt để cung cấp dịch vụ xử lý nước thải.		
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát Nước Lâm Đồng	206.195.000	206.195.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Kỹ Thuật	201.039.880	-
Công ty TNHH Kỹ thuật U.S	-	3.906.852.300
Các nhà cung cấp khác	60.861.000	217.000.000
<b>Cộng</b>	<b>468.095.880</b>	<b>4.330.047.300</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	38.521.622.933	22.177.861.068
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	3.688.211.187	3.688.211.187
Phải thu Nhà nước liên quan đến dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt (ii)	1.587.664.778	1.587.664.778
Thù lao Hội đồng Quản trị chờ quyết toán (iii)	1.087.600.000	1.116.100.000
Phải thu về cổ tức được chia	342.252.208	-
Các khoản phải thu khác	1.048.152.824	868.881.154
	<b>46.275.503.930</b>	<b>29.438.718.187</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản ký quỹ	330.000.000	228.036.580
	<b>46.605.503.930</b>	<b>29.666.754.767</b>
<b>Tổng cộng phải thu khác</b>		
	<b>46.605.503.930</b>	<b>29.666.754.767</b>
<b>Trong đó, số dự phải thu bên liên quan:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	342.252.208	-

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này.

(ii) Đây là khoản phải thu Nhà nước để thanh toán cho các gói thầu xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 10 tháng 11 năm 2021, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục đề nghị Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng bố trí nguồn vốn đối ứng để thanh toán cho các nhà thầu còn lại.

(iii) Đây là khoản tạm ứng thù lao năm 2022 cho Hội Đồng Quản trị Công ty. Khoản thù lao này sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.416.749.573	-	1.337.065.094	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	167.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.688.211.187	-	3.688.211.187	-
<b>Cộng</b>	<b>5.104.960.760</b>	<b>-</b>	<b>5.192.276.281</b>	<b>-</b>
			<b>1.337.065.094</b>	<b>(1.337.065.094)</b>
			<b>167.000.000</b>	<b>(167.000.000)</b>
			<b>3.688.211.187</b>	<b>(3.688.211.187)</b>
			<b>5.192.276.281</b>	<b>(5.192.276.281)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.192.276.281</b>	<b>1.255.341.957</b>
Trích lập dự phòng trong năm	178.294.715	312.551.336
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(265.610.236)	(63.828.199)
Điều chỉnh khác	-	3.688.211.187
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.104.960.760</b>	<b>5.192.276.281</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.190.514.665	(2.336.333.584)	9.398.529.685	(1.409.599.645)
Công cụ, dụng cụ	1.039.424.084	-	840.016.070	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	149.951.595	-	138.764.753	-
<b>Cộng</b>	<b>9.379.890.344</b>	<b>(2.336.333.584)</b>	<b>10.377.310.508</b>	<b>(1.409.599.645)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2022 VND	2021 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.409.599.645</b>	<b>1.246.739.190</b>
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	945.218.999	163.809.156
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(18.485.060)	(948.701)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.336.333.584</b>	<b>1.409.599.645</b>

21

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>466.271.432.074</b>	<b>84.721.072.221</b>	<b>774.872.976.868</b>	<b>111.761.776.075</b>	<b>43.456.845.575</b>	<b>1.481.084.102.813</b>
Xây dựng cơ bản hoàn thành	8.018.857.503	11.180.607.657	8.036.155.476	2.420.547.251	-	29.656.167.887
Bàn giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(266.429.149.730)	(33.715.452.304)	(133.617.830.227)	(68.945.678.494)	(459.821.126)	(503.167.931.881)
Giảm khác	-	-	(444.761.792)	-	-	(444.761.792)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>207.861.139.847</b>	<b>62.186.227.574</b>	<b>648.846.540.325</b>	<b>45.236.644.832</b>	<b>42.997.024.449</b>	<b>1.007.127.577.027</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>245.244.194.224</b>	<b>38.777.610.423</b>	<b>352.526.317.985</b>	<b>52.232.358.197</b>	<b>13.067.552.562</b>	<b>701.848.033.391</b>
Khấu hao trong năm	8.777.882.114	3.837.654.652	22.457.704.401	4.094.915.614	1.737.883.266	40.906.040.047
Bàn giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(134.297.422.801)	(13.701.356.716)	(28.758.142.494)	(30.616.500.798)	(459.821.126)	(207.833.243.935)
Giảm khác	-	-	(11.143.555)	-	-	(11.143.555)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>119.724.653.537</b>	<b>28.913.908.359</b>	<b>346.214.736.337</b>	<b>25.710.773.013</b>	<b>14.345.614.702</b>	<b>534.909.685.948</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>221.027.237.850</b>	<b>45.943.461.798</b>	<b>422.346.658.883</b>	<b>59.529.417.878</b>	<b>30.389.293.013</b>	<b>779.236.069.422</b>
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>88.136.486.310</b>	<b>33.272.319.215</b>	<b>302.631.803.988</b>	<b>19.525.871.819</b>	<b>28.651.409.747</b>	<b>472.217.891.079</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 19.599.958.881 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 49.353.727.214 đồng).

Công ty đã sử dụng các tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 297.386.974.173 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 314.327.595.584 đồng) để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính (xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh số V.18*).

(i) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý.

22

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2022	737.591.000	1.266.000.000	2.003.591.000
Mua trong năm	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2022	737.591.000	1.296.000.000	2.033.591.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2022	179.821.931	298.752.875	478.574.806
Khấu hao trong năm	14.751.820	127.243.836	141.995.656
Tại ngày 31/12/2022	194.573.751	425.996.711	620.570.462
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2022	557.769.069	967.247.125	1.525.016.194
Tại ngày 31/12/2022	543.017.249	870.003.289	1.413.020.538

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt (i)	-	5.445.587.900
Các dự án khác	748.686.373	2.507.172.620
<b>Cộng</b>	<b>748.686.373</b>	<b>7.952.760.520</b>

(i) Trong năm, dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đây là dự án được phê duyệt đầu tư bằng nguồn quỹ đầu tư phát triển theo các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2022 VND	2021 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.952.760.520</b>	<b>2.563.393.065</b>
Chi phí đầu tư trong năm	18.756.188.228	10.720.950.132
Tăng khác	-	5.311.623.355
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(22.643.874.528)	(6.826.124.090)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(2.506.711.875)	(2.837.040.744)
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(809.675.972)	(980.041.198)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>748.686.373</b>	<b>7.952.760.520</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	550.860.000.000	550.860.000.000	278.844.000.000	278.844.000.000
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	27.550.000.000	27.550.000.000	265.000.000.000	265.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>578.410.000.000</b>	<b>578.410.000.000</b>	<b>543.844.000.000</b>	<b>543.844.000.000</b>

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, toàn bộ số tiền đang được gửi tại các ngân hàng thương mại và việc này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Công ty được hưởng mức lãi suất trong năm dao động từ 5,70% đến 11,70%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)

**10. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

b) **Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Cổ phiếu năm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	554.365	5.658.526.204	-	5.658.526.204
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350	5.466.726.034	-	5.466.726.034
<b>Cộng</b>		<b>11.125.252.238</b>		<b>11.125.252.238</b>

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh bao gồm 28.628 cổ phiếu nhận được do Công ty liên kết này chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020, tương đương với tổng mệnh giá 286.280.000 đồng. Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu tài chính khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thông nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	10.437.139.446	12.336.220.153
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.099.810.451	3.242.857.893
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	-	2.247.563.337
<b>Cộng</b>	<b>12.536.949.897</b>	<b>17.826.641.383</b>

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được 4,5 năm.

**12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	221.805.631
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>221.805.631</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%

Theo thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019, chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất sẽ không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý. Từ năm 2021, Công ty đã loại trừ khoản chi phí dự phòng tương ứng với tổng giá trị 1.109.028.155 đồng ra khỏi chi phí tính thuế khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có thể sử dụng khoản chi phí này để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai khi Công ty thực hiện thanh lý các mã hàng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	7.137.700.991	-	7.435.921.049	-

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	10.576.016.035	10.576.016.035	9.818.676.899	9.818.676.899
Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm	767.684.000	767.684.000	-	-
Các đối tượng khác	2.954.320.816	2.954.320.816	3.000.090.549	3.000.090.549
<b>Cộng</b>	<b>14.298.020.851</b>	<b>14.298.020.851</b>	<b>12.818.767.448</b>	<b>12.818.767.448</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	247.220.000	247.220.000
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	86.811.543	248.558.158
Các khách hàng khác	238.790.500	711.887.478
<b>Cộng</b>	<b>572.822.043</b>	<b>1.207.665.636</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	45.383.876	45.383.876
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	309.224.049	6.951.690.201	6.209.783.046	1.051.131.204
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.844.636.307	14.481.938.507	8.464.585.712	7.861.989.102
Thuế thu nhập cá nhân	373.037.876	752.930.604	1.125.968.480	-
Phí bảo vệ môi trường	1.223.658.641	18.721.563.741	16.816.312.864	3.128.909.518
Thuế tài nguyên	74.325.529	952.883.275	866.009.835	161.198.969
Tiền thuế đất	-	480.535.390	480.535.390	-
Các khoản phải nộp khác	4.726.220	18.320.501	15.000.000	8.046.721
<b>Cộng</b>	<b>3.829.608.622</b>	<b>42.359.862.219</b>	<b>33.978.195.327</b>	<b>12.211.275.514</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.795.376.085	1.963.602.023
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí	1.660.394.900	985.032.421
Các khoản chi phí phải trả khác	289.855.475	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.745.626.460</b>	<b>2.949.634.444</b>

18. Phải trả khác	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	817.283.299
Các khoản phải trả khác	603.808.107	554.133.773
	<b>1.421.091.406</b>	<b>1.371.417.072</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	439.862.275	490.687.935
	<b>439.862.275</b>	<b>490.687.935</b>
<b>Tổng cộng phải trả khác</b>	<b>1.860.953.681</b>	<b>1.862.105.007</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)

## 19. Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu số B 09 - DN

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
<b>a. Ngắn hạn</b>						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.239	22.793.678.239	-	-	22.793.678.241	22.793.678.241
<b>b. Dài hạn</b>						
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	185.148.460.480	185.148.460.480	-	16.831.678.232	201.980.138.712	201.980.138.712
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	44.713.918.344	44.713.918.344	-	5.962.000.000	50.675.918.344	50.675.918.344
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)	-	-	(22.793.678.241)	(22.793.678.241)
	<b>207.068.700.585</b>	<b>207.068.700.585</b>	-	-	<b>229.862.378.815</b>	<b>229.862.378.815</b>
<b>Tổng cộng khoản vay</b>	<b>229.862.378.824</b>	<b>229.862.378.824</b>	-	-	<b>252.656.057.056</b>	<b>252.656.057.056</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay***(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lin, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyên tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt.

*(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đambri, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, Bằng Lãng) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.793.678.239	22.793.678.241
Trong năm thứ hai	22.793.678.239	22.793.678.241
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	115.893.987.623	138.687.665.851
<b>Cộng</b>	<b>229.862.378.824</b>	<b>252.656.057.056</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.241)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>207.068.700.585</b>	<b>229.862.378.815</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	2022	2021
	VND	VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.388.494.339</b>	<b>7.865.960.161</b>
Trích lập quỹ trong năm	3.910.951.663	11.605.598.677
Sử dụng quỹ trong năm	(7.084.247.545)	(15.083.064.499)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.215.198.457</b>	<b>4.388.494.339</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
	VND	VND						
<b>a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu</b>								
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>7.066.214.231</b>	<b>38.649.998.425</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>874.102.467.093</b>	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.458.390.737	-	34.458.390.737	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.330.400.000)	-	(20.330.400.000)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.605.598.677)	-	(11.605.598.677)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.797.499.764	(5.797.499.764)	-	-	
Thù lao của ban điều hành	-	-	-	-	(916.499.984)	-	(916.499.984)	
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	657.330.070	(657.330.070)	-	-	-	
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>1.200.937.430</b>	<b>12.206.383.925</b>	<b>34.458.390.737</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>875.708.359.169</b>	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	56.674.027.288	-	56.674.027.288	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.004.000.000)	-	(26.004.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.910.951.663)	-	(3.910.951.663)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.445.839.074	(3.445.839.074)	-	-	
Thù lao của ban điều hành	-	-	-	-	(1.097.600.000)	-	(1.097.600.000)	
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.652.222.999	(15.652.222.999)	-	-	-	
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>16.853.160.429</b>	<b>15.652.222.999</b>	<b>56.674.027.288</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>901.369.834.794</b>	

Việc trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong năm và quyết toán thù lao cho Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát năm 2021 được thực hiện theo nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Trong năm, nguồn quỹ đầu tư phát triển đã được dùng để tài trợ cho dự án nhà máy trạm cấp thoát nước tại xã Tràm Hành, thành phố Đà Lạt theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty với tổng mức đầu tư theo kế hoạch là 14,94 tỷ đồng. Dự án đang trong quá trình quyết toán và sẽ được phê duyệt bổ sung nguồn quỹ đầu tư phát triển tại Đại hội đồng cổ đông năm tiếp theo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2022 và 01/01/2022		
	Số lượng	Tỷ lệ	Giá trị
	Cổ phần	(%)	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Bà Trương Thị Mỹ An	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>788.000.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**d) Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022, cổ tức năm 2021 đã được phê duyệt với tổng số tiền là 26.004.000.000 đồng, tương ứng mức 330 đồng/cổ phiếu đang lưu hành.

Cổ tức năm 2022 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng 3,3%, tương ứng 330 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

**22. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Toàn bộ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản cố định tại Xí nghiệp quản lý nước thải, chi tiết biến động trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
<b>Giá trị còn lại đầu năm</b>	<b>295.334.687.947</b>	<b>319.280.595.323</b>
Bàn giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(295.334.687.947)	-
Khấu hao trong năm	-	(22.735.988.548)
Điều chỉnh khác	-	(1.209.918.828)
<b>Giá trị còn lại cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>295.334.687.947</b>

(i) Như đã trình bày tại thuyết minh số V.7, Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý vào ngày 14 tháng 4 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m<sup>2</sup>.

Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
	Ngoại tệ	Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,5	67,5

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	248.624.554.170	208.323.443.444
Doanh thu xử lý nước thải	17.829.133.058	14.466.588.000
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	9.925.404.893	9.079.964.354
Doanh thu khác	1.179.201.058	2.032.465.142
<b>Cộng</b>	<b>277.558.293.179</b>	<b>233.902.460.940</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	2022	2021
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	188.840.694.916	175.511.810.412
Giá vốn xử lý nước thải	14.481.620.710	12.172.536.018
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	7.734.431.671	7.314.448.451
Giá vốn khác	750.796.685	1.331.707.753
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	926.733.939	162.860.455
<b>Cộng</b>	<b>212.734.277.921</b>	<b>196.493.363.089</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2022	2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	41.083.680.260	40.189.724.160
Cổ tức được chia	825.602.208	1.156.318.656
<b>Cộng</b>	<b>41.909.282.468</b>	<b>41.346.042.816</b>

**Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ các bên liên quan:**

Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350.000	780.030.000
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	392.252.208	376.288.656
<b>Cộng</b>	<b>825.602.208</b>	<b>1.156.318.656</b>

**4. Chi phí tài chính**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.257.152.308	16.651.101.221

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP** (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí duy trì đầu nổi	4.867.802.677	5.149.422.344
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	25.161.852	49.734.546
<b>Cộng</b>	<b>4.892.964.529</b>	<b>5.199.156.890</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.979.219.649	4.810.064.039
Chi phí đồ dùng văn phòng	273.763.401	893.481.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.556.457	272.517.067
Thuế, phí và lệ phí	328.336.777	289.083.409
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(104.562.474)	248.723.137
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	9.385.902.386	6.114.721.744
<b>Cộng</b>	<b>15.152.216.196</b>	<b>12.628.591.222</b>

**7. Thu nhập và chi phí khác**

	2022	2021
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ cho thuê tuyến ống truyền tải	454.545.454	-
Các khoản thu nhập khác	290.739.438	337.612.530
<b>Cộng</b>	<b>745.284.892</b>	<b>337.612.530</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.057.790.515	1.107.714.758
Các khoản chi phí khác	184.298.906	278.122.062
	<b>1.242.089.421</b>	<b>1.385.836.820</b>
<b>Lỗ khác</b>	<b>(951.349.983)</b>	<b>(1.048.224.290)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP** (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2022	2021
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>70.934.160.164</b>	<b>43.228.067.044</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Chi phí không được trừ	2.301.134.580	1.610.575.617
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.093.384.563)	(1.534.239.606)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>72.141.910.181</b>	<b>43.304.403.055</b>
Hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ	267.782.355	377.920.950
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.481.938.507	8.736.464.801
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	-	33.211.506
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.481.938.507</b>	<b>8.769.676.307</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2022	2021
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.719.780.104	92.958.648.057
Chi phí nhân công	58.363.490.177	56.041.662.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.979.101.633	39.072.918.915
Chi phí duy trì đầu nổi	4.867.802.677	5.149.422.344
Chi phí dự phòng	822.171.465	411.583.592
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	23.027.112.590	20.686.875.660
<b>Cộng</b>	<b>232.779.458.646</b>	<b>214.321.111.201</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2022	2021
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.674.027.288	34.458.390.737
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(18.387.609.079)	(5.008.551.663)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>38.286.418.209</b>	<b>29.449.839.074</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	78.800.000	78.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>486</b>	<b>374</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm trước nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 28 tháng 4 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp này.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	378.274.000	575.979.553
	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Hùng Cường	kiêm Tổng Giám đốc	1.122.404.001	1.302.491.045
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	164.667.000	257.362.131
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên	164.667.000	257.362.131
	Thành viên HĐQT kiêm		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	761.541.700	859.516.743
		<b>2.591.553.700</b>	<b>3.252.711.603</b>
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	316.133.000	433.640.848
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên	103.831.000	156.228.138
Bà Vy Thị Bé	Thành viên	56.240.000	-
	Thành viên		
Bà Trần Thị Thủy	(đã miễn nhiệm)	46.081.000	138.253.914
		<b>522.285.000</b>	<b>728.122.900</b>
Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	550.487.300	691.887.343

**2. Cam kết không hủy ngang**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết dài hạn không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng mua sỉ nước sạch từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa và Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm.
- Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt với thời gian thực hiện hợp đồng là 2 năm và bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Đơn giá đặt hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 6.261 đồng/m<sup>3</sup>, trong đó các tổ chức cá nhân đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chỉ trả 3.198 đồng/m<sup>3</sup> và ngân sách cấp 3.063 đồng/m<sup>3</sup>.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm báo cáo trước đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

**4. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp này.

Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 2 năm 2023

Bùi Hoàng Trường Vĩ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 3 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

